
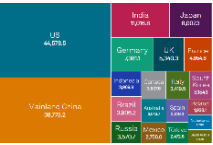







Thông tin kinh tế hàng tháng

Bản tin số 28: Tháng 11/2024

Tài chính, Kinh tế & Thương mại

	<p><u>Chiến lược Hạ tầng số của Việt Nam: Cơ hội cho nhà đầu tư nước ngoài</u></p> <p>Chiến lược hạ tầng số của Việt Nam, được phê duyệt vào tháng 10 năm 2024, phác thảo quá trình chuyển đổi của bốn lĩnh vực cơ sở hạ tầng quan trọng. Chiến lược này nhằm mục đích tăng cường mạnh mẽ kết nối số cho mọi công dân và ngành công nghiệp. Chiến lược xác định các lĩnh vực ưu tiên đầu tư, cung cấp hướng dẫn rõ ràng cho các nhà đầu tư muốn tham gia vào nền kinh tế số đang phát triển của Việt Nam.</p> <p><i>Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 1.1</i></p>
	<p><u>Thị trường mới nổi: Một thập kỷ quyết định</u></p> <p>Các thị trường mới nổi sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc định hình nền kinh tế toàn cầu, đóng góp khoảng 65% tăng trưởng kinh tế toàn cầu vào năm 2035, với chín thị trường mới nổi hàng đầu nằm trong số 20 nền kinh tế lớn nhất. Tuy nhiên, mặc dù có tiềm năng lớn, thu nhập bình quân đầu người vẫn sẽ thấp hơn nhiều so với các nền kinh tế phát triển.</p> <p><i>Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 1.2</i></p>
	<p><u>Chỉ số niềm tin của doanh nghiệp EuroCham (BCI) đối với Việt Nam tăng trưởng, 38% kỳ vọng lợi ích từ DPPA</u></p> <p>Chỉ số niềm tin của Doanh nghiệp EuroCham (BCI) đối với Việt Nam đã tăng lên 52 trong quý III năm 2024 từ 51,3 trong quý II, bất chấp những tác động nghiêm trọng của siêu bão Yagi. Sự tăng trưởng này khẳng định xu hướng phục hồi của chỉ số sau khi chứng kiến sự suy giảm trong quý trước, theo thông cáo báo chí của Eurocham vào thứ Ba.</p> <p><i>Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 1.3</i></p>
	<p><u>Theo dõi Ngành Sản xuất Việt Nam: 2024-25</u></p> <p>Ngành sản xuất là nền tảng cho sự tăng trưởng và sức bật kinh tế của Việt Nam. Chính phủ đã thực hiện một số sáng kiến để tận dụng những thế mạnh vốn có của đất nước, dẫn đến những kết quả hữu hình được hỗ trợ bởi dữ liệu thuyết phục. Báo cáo theo dõi sản xuất Việt Nam 2024-25 của Vietnam Briefing cung cấp dữ liệu, thông tin chuyên sâu và cập nhật về chính sách mới nhất để giúp các nhà đầu tư nước ngoài và nhà phân tích cập nhật về ngành công nghiệp này.</p> <p><i>Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 1.4</i></p>
	<p><u>Tăng trưởng mạnh mẽ trong giá trị thương hiệu thực phẩm và ngân hàng mang đến triển vọng sáng cho Việt Nam năm 2024</u></p> <p>Mặc dù môi trường kinh tế đầy thách thức và nhu cầu trong nước yếu hơn, các thương hiệu Việt Nam, đặc biệt là trong lĩnh vực thực phẩm và ngân hàng, đã thể hiện sức bật và tăng trưởng đáng kể trong năm 2024. Các thương hiệu hàng đầu của nước này không chỉ duy trì thứ hạng của mình mà còn ghi nhận những tăng giá trị đáng kể, thách thức áp lực của thị trường toàn cầu và địa phương.</p> <p><i>Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 1.5</i></p>

Góc nhìn Chuyên gia



Làm thế nào để thúc đẩy thương mại xanh và bao trùm thông qua thương mại điện tử ở châu Á và Thái Bình Dương?

Để hỗ trợ thương mại điện tử, sự hợp tác giữa khu vực công và tư cần ưu tiên việc thu hẹp khoảng cách số, hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và thúc đẩy tính bền vững về môi trường. Tăng cường quản trị dữ liệu, cạnh tranh và khung thuế cũng là yếu tố then chốt để thương mại điện tử trở nên bền vững và công bằng.

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 2.1



Cục Dự trữ Liên bang đã cắt giảm lãi suất: Ý nghĩa đối với châu Á và Thái Bình Dương

Cắt giảm lãi suất gần đây của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ mang lại cơ hội và thách thức cho các ngân hàng trung ương ở châu Á và Thái Bình Dương. Các nhà hoạch định chính sách cần áp dụng cách tiếp cận cân bằng, cụ thể cho từng quốc gia để điều hướng các áp lực lạm phát tiềm ẩn, sự biến động tỷ giá và dòng vốn.

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 2.2



Khả năng chống chịu đô thị trong cuộc khủng hoảng khí hậu: Bài học và hiểu biết về một cuộc chuyển đổi công bằng từ khắp châu Á.

Đối mặt với những thảm họa khí hậu ngày càng gia tăng, các thành phố không chỉ là những đóng góp chính vào lượng khí thải carbon mà còn là những tuyến đầu dễ bị tổn thương của cuộc khủng hoảng, đặc biệt là đối với các cộng đồng bị thiệt thòi. Laurence Newman khám phá những hiểu biết từ Diễn đàn Chuyển đổi Công bằng Châu Á, nhấn mạnh sự cần thiết cấp bách cho các thành phố phát triển các chiến lược chống chịu và đóng vai trò trung tâm trong giải pháp

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 2.3



Triển khai 5G tại Việt Nam: Kích thích kinh tế số

Ngành viễn thông Việt Nam đang chuẩn bị cho một bước chuyển lớn khi các công ty viễn thông hàng đầu bắt đầu thương mại hóa công nghệ 5G. Phát triển này được kỳ vọng sẽ tạo ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp trên cả nước, thúc đẩy chuyển đổi số và giúp Việt Nam tiến tới một nền kinh tế chủ yếu dựa vào số hóa, theo các chuyên gia trong ngành.

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 2.4

Tủ sách Doanh nghiệp



Báo cáo của KPMG: Triển vọng CEO ngành ngân hàng 2024 của KPMG

Báo cáo Triển vọng CEO Ngân hàng KPMG 2024 nay xem xét cách mà các nhà lãnh đạo doanh nghiệp trong ngành ngân hàng đang đối mặt với những thách thức đa dạng và không ngừng. Đặc biệt, các CEO ngân hàng thể hiện sự tự tin lớn vào tiềm năng tăng trưởng của tổ chức họ. Để hỗ trợ sự tăng trưởng này, họ dự định tiếp tục đầu tư vào chuyển đổi doanh nghiệp thông qua công nghệ, trong đó trí tuệ nhân tạo sáng tạo (Gen AI) đang trở thành ưu tiên đầu tư hàng đầu cho 81% CEO ngân hàng.

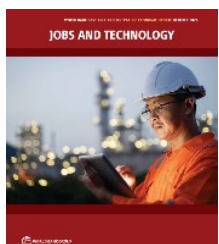
Đọc thêm về nội dung báo cáo tại Phụ lục 3.1, và đọc báo cáo đầy đủ bằng tiếng Anh [tại đây](#)



Báo cáo của Tạp chí Kinh tế và Phát triển: Thúc đẩy các doanh nghiệp siêu nhỏ tăng trưởng khi hội nhập: Vai trò của môi trường kinh doanh ở Việt Nam

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa có vai trò quan trọng ở các nước đang phát triển. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa gắn kết vào chuỗi giá trị toàn cầu là giải pháp hữu hiệu để thúc đẩy các doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển. Câu hỏi đặt ra là liệu các doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể tận dụng được cơ hội gắn kết với chuỗi giá trị toàn cầu để tăng trưởng hay không và môi trường kinh doanh có vai trò gì.

Đọc báo cáo đầy đủ bằng tiếng Việt [tại đây](#)



Báo cáo của World Bank: Việc làm và tăng trưởng - Cập nhật tình hình kinh tế khu vực Đông Á và Thái Bình Dương, tháng 10/2024

Kinh tế của các nước đang phát triển ở Đông Á và Thái Bình Dương (EAP) tiếp tục vượt trội hơn so với các nền kinh tế khác trên thế giới. Tăng trưởng khu vực được dự báo đạt 4,8% trong năm 2024, so với mức tăng trưởng trung bình 3,3% ở các nước EMDE khác và 1,5% ở các nền kinh tế phát triển. Ở các quốc gia EAP, tiêu dùng tư nhân và xuất khẩu dịch vụ đã giúp duy trì tăng trưởng, nhưng đầu tư tư nhân và xuất khẩu hàng hóa vẫn yếu.

Đọc thêm về nội dung báo cáo tại Phụ lục 3.2, và đọc báo cáo đầy đủ bằng tiếng Anh [tại đây](#)

Lịch sự kiện

Sự kiện	Địa điểm	Thời gian	Diễn giả/Thành phần tham dự & Ngôn ngữ	Đăng ký
VCCI: Khóa Học “Nghịệp vụ đấu thầu qua mạng theo Thông tư 06/2024/Tt-BkhdT”	Trực tuyến (Qua nền tảng Zoom)	01/11/2024 08:00-11:30 13:30-17:00	Giảng viên: Chuyên gia của Trung tâm Đấu thầu qua mạng Quốc gia – Cục Quản lý Đấu thầu – Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Tai đây
KPMG: Khóa học OnDemand “Doanh thu và thu nhập khác”	Văn phòng KPMG TP. Hồ Chí Minh	04/11/2024 13:30-16:30	Diễn giả là các chuyên gia đến từ KPMG: - Bà Dương Thị Thảo, Trưởng phòng kiểm toán cấp cao Dịch vụ Kiểm toán, Tư vấn Kế toán - Ông Nghệ Cát Tường, Phó phòng kiểm toán Dịch vụ Kiểm toán, Tư vấn Kế toán Ngôn ngữ: Tiếng Việt	Tai đây
KPMG: Diễn đàn Thuế & Luật 2024	Trung tâm hội nghị ThiskyHall Sala, TP. Hồ Chí Minh	06/11/2024 13:00-17:00	Diễn giả: - Lãnh đạo và các chuyên gia đến từ KPMG Việt Nam - Đại diện các cơ quan thuế, luật và các phòng thương mại tại Việt Nam	Tai đây
	Khách sạn Sheraton Hà Nội	14/11/2024 13:00-17:00	Ngôn ngữ: Tiếng Anh	Tai đây
KPMG: Diễn đàn Thuế & Luật cho Doanh nghiệp Nhật Bản 2024	Trung tâm hội nghị ThiskyHall Sala, TP. Hồ Chí Minh	06/11/2024 13:00-17:30	Diễn giả là các chuyên gia đến từ KPMG	Tai đây
	Khách sạn L7 WEST LAKE HÀ NỘI by LOTTE	15/11/2024 13:00-17:30	Ngôn ngữ: Tiếng Nhật	Tai đây
KPMG: Hội thảo “Tuân thủ Luật Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân trong ngành Ngân hàng & Dịch vụ Tài chính: Chiến lược & Những thông lệ tiên tiến nhất”	Trung tâm hội nghị ThiskyHall Sala, TP. Hồ Chí Minh	06/11/2024 13:00-15:00	Diễn giả là các chuyên gia đến từ KPMG: - Bà Trương Quỳnh Hoa, Giám đốc, Bộ phận Tư vấn Rủi ro - Ông Trần Bảo Trung, Giám đốc, KPMG Law tại Việt Nam Ngôn ngữ: Tiếng Anh	Tai đây
VCCI: Phát triển ngành chế biến thực phẩm theo xu hướng bền vững – Sự kiện kết nối chuyên gia và doanh nghiệp	Phòng hội thảo trung tâm triểm lãm quốc tế I.C.E – Cung Văn hóa lao động hữu nghị Việt Xô - 91 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội	06/11/2024 13:30-17:00	Diễn giả: - PGS. TS Đặng Trần Thọ, Viện trưởng Viện Khoa học và Công nghệ nhiệt lạnh, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội - Ths Nguyễn Huy Hoàng, Chuyên gia về marketing và xây dựng thương hiệu cho doanh nghiệp - Ths Nguyễn Thu Phương, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu KH&CN Peroma Việt Nam - Ông Nguyễn Đình Quỳnh, Giám đốc dịch vụ Tiêu chuẩn & Tuân thủ, P&Q Solutions	Tai đây

VCCI: Khóa đào tạo “Kiểm soát tài chính, pháp lý và giải quyết tranh chấp trong giao dịch M&A”	Hội trường VCCI, 171 Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM	06/11 - 07/11/2024	Diễn giả: - Ông Nguyễn Minh Đa, Phó Tổng Giám đốc, Dịch vụ Tư vấn thuế Forvis Mazars Việt Nam - Ông Trần Thanh Tùng, Luật sư Thành viên, công ty Luật TNHH Global Vietnam Lawyers - Bà Hoàng Nguyễn Hạ Quyên, Luật sư điều hành LNT & Thành viên, Trọng tài viên VIAC, Hòa giải viên VMC - Bà Hoàng Thị Ngọc Diệp, Luật sư thành viên Công ty Luật TNHH DILINH	Tại đây
VCCI: Khoá đào tạo “Quản lý dự án và kiểm soát dự án hiệu quả trong doanh nghiệp”	VCCI Bà Rịa – Vũng Tàu, 155 Nguyễn Thái Học, P7, TP Vũng Tàu	07/11- 08/11/2024	Giảng viên: Lương Văn Cảnh – Cục Công tác Phía Nam – Bộ Xây dựng, Chuyên gia Tư vấn – Đào tạo Quản lý dự án, giám sát dự án; Quản lý chi phí, đấu thầu cho các tổ chức, doanh nghiệp, Giảng viên giảng dạy Quản lý dự án, tại các trường ĐH Bách Khoa Tp. HCM, ĐH Mở Tp.HCM, ĐH Giao thông vận tải...	Tại đây
KPMG: Khóa học OnDemand “Lập và trình bày báo cáo tài chính”	Văn phòng KPMG TP. Hồ Chí Minh	19/11/2024 08:30-11:30	Diễn giả là các chuyên gia đến từ KPMG: - Ông Lê Hoài Phong, Trưởng phòng kiểm toán Dịch vụ Kiểm toán, Tư vấn Kế toán - Bà Đặng Tuyết Hà, Phó phòng kiểm toán Dịch vụ Kiểm toán, Tư vấn Kế toán Ngôn ngữ: Tiếng Việt	Tại đây

Theo dõi và cập nhật các sự kiện của VCCI [tại đây](#), và các sự kiện của KPMG [tại đây](#).

Trung tâm Truyền thông và Thông tin Kinh tế (BIZIC) – Đơn vị trực thuộc Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp cùng Công ty KPMG tại Việt Nam

Bản quyền © 2010 bởi Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam – VCCI

© 2024 Công ty TNHH KPMG, Công ty TNHH Thuế và Tư vấn KPMG, Công ty Luật TNHH KPMG, Công ty TNHH Dịch vụ KPMG, đều là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam và là công ty thành viên trong tổ chức toàn cầu của các công ty KPMG độc lập, liên kết với KPMG International Limited, một công ty trách nhiệm hữu hạn theo bảo lãnh được thành lập tại Vương Quốc Anh. Tất cả các quyền được bảo hộ.



Thông tin kinh tế hàng tháng



Bản tin số 28: Tháng 11/2024

Tài chính, Kinh tế & Thương mại

PHỤ LỤC 1.1

Chiến lược hạ tầng số của Việt Nam: Cơ hội cho nhà đầu tư nước ngoài

Chiến lược Hạ tầng Số của Việt Nam, được phê duyệt vào tháng 10 năm 2024, phác thảo quá trình chuyển đổi bốn lĩnh vực hạ tầng chính. Chiến lược này nhằm nâng cao đáng kể khả năng kết nối số cho tất cả công dân và ngành công nghiệp. Chiến lược xác định các lĩnh vực ưu tiên để đầu tư, cung cấp hướng dẫn rõ ràng cho các nhà đầu tư muốn tham gia vào nền kinh tế số đang phát triển của Việt Nam.

Vào ngày 9 tháng 10 năm 2024, Phó Thủ tướng Thường trực Nguyễn Hòa Bình đã ký Quyết định số 1132/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, chính thức ban hành chiến lược hạ tầng số đến năm 2025, với tầm nhìn đến năm 2030. Việc phê duyệt chiến lược này, chỉ bảy tháng sau khi kế hoạch tổng thể hạ tầng thông tin và truyền thông giai đoạn 2021-2030 (với tầm nhìn đến năm 2050) có hiệu lực, nhấn mạnh cam kết mạnh mẽ của chính phủ trong việc thúc đẩy hạ tầng số của quốc gia.

Tổng quan về Chiến lược Hạ tầng Số của Việt Nam

Chiến lược chủ yếu tập trung vào việc triển khai mạng 5G trên toàn quốc tại tất cả các địa phương, khu công nghệ cao, trung tâm nghiên cứu và phát triển, khu công nghiệp, ga tàu, cảng và sân bay quốc tế vào năm 2025, với mục tiêu đạt 99% tỷ lệ bao phủ dân số vào năm 2030.

Nó cũng đặt ra các mục tiêu đầy tham vọng cho khả năng kết nối số và quản lý dữ liệu. Đến năm 2025, Việt Nam mục tiêu sẽ vận hành ít nhất hai cấp quang dưới biển quốc tế mới và thiết lập các trung tâm dữ liệu tuân thủ tiêu chuẩn xanh quốc tế, bao gồm cả tiêu chuẩn cho dữ liệu AI. Đến năm 2030, chính phủ dự kiến sẽ mở rộng điều này với sáu cấp quang dưới biển quốc tế mới và việc tạo ra các trung tâm dữ liệu quy mô lớn và các trung tâm số.

Ngoài ra, mỗi công dân dự kiến sẽ có một kết nối Internet of Things (IoT) vào năm 2025, tăng lên bốn kết nối mỗi người vào năm 2030. Tỷ lệ áp dụng chữ ký số trong số người lớn dự kiến sẽ tăng từ 50% vào năm 2025 lên 70% vào năm 2030.

Sự phát triển hạ tầng vật lý-số của Việt Nam nhằm thúc đẩy tiến bộ trong các lĩnh vực quan trọng như giao thông thông minh, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, sản xuất, nông nghiệp và du lịch, từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh toàn cầu của đất nước.

Tất cả các sáng kiến này phù hợp với mục tiêu cuối cùng của chính phủ là đưa Việt Nam nằm trong top 50 quốc gia toàn cầu và đứng thứ 3 trong ASEAN về chính phủ điện tử và nền kinh tế số vào năm 2030.

Các điểm nổi bật về nhiệm vụ chính

Để đạt được các mục tiêu của mình, chiến lược hạ tầng số ban hành bốn nhiệm vụ phát triển chính sau đây:

- Hạ tầng viễn thông và internet
- Hạ tầng dữ liệu
- Hạ tầng vật lý-số
- Hạ tầng tiện ích số và công nghệ dịch vụ số

Hạ tầng viễn thông và internet: Mạng 5G là ưu tiên hàng đầu của Việt Nam

Chiến lược của Việt Nam trong việc thúc đẩy hạ tầng viễn thông và internet tập trung vào việc triển khai mạng 5G, với trọng tâm mở rộng vùng phủ sóng và nâng cao chất lượng dịch vụ tại các khu vực quan trọng, bao gồm:

- Khu vực hành chính công
- Các di sản lịch sử và văn hóa, điểm tham quan, và khu vực du lịch lớn
- Cơ sở y tế

- Các trường cao đẳng và đại học
- Các trung tâm giao thông
- Hệ thống đường bộ, đường sắt và đường thủy
- Các trung tâm thương mại
- Các khu chung cư lớn
- Các khu vực đô thị đông dân cư
- Khách sạn và tòa nhà thương mại
- Các thị trấn nông thôn và khu vực chiến lược

Việc triển khai 5G sẽ mở đường cho việc giới thiệu các công nghệ thế hệ tiếp theo trong hạ tầng số, chẳng hạn như mạng 6G, Mạng truy cập vô tuyến mở (Open RAN), và mô hình dữ liệu tiên tiến. Một thành phần quan trọng của sáng kiến này là việc triển khai hoàn toàn Giao thức Internet Phiên bản 6 (IPv6) trên toàn bộ mạng internet quốc gia.

Hạ tầng dữ liệu: Xây dựng các trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây

Chiến lược dự kiến sẽ nâng cấp hạ tầng dữ liệu quốc gia bằng cách xây dựng các trung tâm dữ liệu và áp dụng công nghệ điện toán đám mây. Nó chỉ đạo các nỗ lực của chính phủ nhằm thu hút đầu tư vào hạ tầng dữ liệu, bao gồm:

- Các trung tâm dữ liệu và hạ tầng điện toán đám mây xanh, an toàn, bền vững và đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế
- Các trung tâm dữ liệu quy mô lớn
- Các trung tâm dữ liệu hỗ trợ ứng dụng AI
- Các trung tâm dữ liệu biên
- Trung tâm dữ liệu quốc gia và trung tâm dữ liệu đa mục đích quốc gia
- Các trung tâm dữ liệu đa mục đích khu vực

Hạ tầng vật lý-số: Tích hợp IoT

Chiến lược nhằm xây dựng một hạ tầng vật lý-số quốc gia bằng cách tích hợp công nghệ cảm biến và ứng dụng số trong các lĩnh vực quan trọng như giao thông, năng lượng và nước. Sự chuyển đổi này sẽ biến các lĩnh vực này thành những thành phần thiết yếu của một hệ sinh thái số rộng lớn hơn, nâng cao hiệu quả hoạt động, năng suất và sử dụng tài nguyên, đồng thời cho phép triển khai hệ thống nhanh hơn.

Sự tương tác giữa các thiết bị IoT sẽ được thực hiện thông qua phần mềm trung gian, với mạng 4G/5G, điện toán đám mây và AI thúc đẩy các tiến bộ trong ngành công nghiệp. Hạ tầng này sẽ cho phép áp dụng các giải pháp thông minh trong giao thông, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, nông nghiệp và du lịch, từ đó củng cố sức cạnh tranh kinh tế.

Ngoài ra, việc tạo ra các bản sao số—những bản sao ảo của các đối tượng trong thế giới thực—sẽ cho phép mô phỏng và giám sát theo thời gian thực, được hỗ trợ bởi dữ liệu từ các cảm biến và thiết bị IoT. Điều này sẽ nâng cao tính minh bạch, khuyến khích đổi mới và cải thiện hiệu quả trên nhiều lĩnh vực, bao gồm chăm sóc sức khỏe, dịch vụ công, sản xuất công nghiệp và logistics, qua đó nâng cao đáng kể khả năng hoạt động.

Hạ tầng tiện ích số và công nghệ dịch vụ số

Chiến lược nhấn mạnh việc phát triển hạ tầng tiện ích số và công nghệ dịch vụ số, với trọng tâm là tạo ra các nền tảng cho dịch vụ trong các lĩnh vực chính như:

- Xác thực danh tính
- Xác thực
- Thanh toán và hóa đơn
- Tích hợp và chia sẻ dữ liệu
- Xác thực tài liệu
- Chữ ký và chứng nhận chữ ký

Các tiện ích số và nền tảng dịch vụ mới này phải phù hợp với nhu cầu thực tế của nền kinh tế và xã hội số Việt Nam, nâng cao khả năng của cá nhân và doanh nghiệp trong việc thực hiện các giao dịch số cốt lõi một cách hiệu quả.

Chiến lược cũng ưu tiên việc áp dụng công nghệ AI, blockchain và IoT để nâng cao và tự động hóa các hoạt động kinh tế và xã hội, thúc đẩy các hệ thống thông minh và hiệu quả hơn trong lĩnh vực này.

Một bộ giải pháp toàn diện cho việc nâng cấp hạ tầng số của Việt Nam

Theo Chiến lược Hạ tầng Số của Việt Nam đến năm 2025, với tầm nhìn đến năm 2030, các bộ ngành, cơ quan ngang bộ và các tổ chức, cơ quan liên quan sẽ phối hợp để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm thông qua các hành động thiết thực.

Những giải pháp này bao gồm:

- Thực hiện cải cách thể chế.
- Ưu tiên phát triển hạ tầng số.
- Huy động vốn, nguồn nhân lực và các nguồn lực khác một cách hợp lý.
- Đảm bảo an toàn, an ninh và quyền lợi của người dùng.

- Đầu tư vào hoạt động nghiên cứu và phát triển.
- Xây dựng các tiêu chuẩn và quy định nghiêm ngặt.
- Đồng bộ hóa các chế độ đo lường và giám sát.
- Khuyến khích hợp tác trong nước và quốc tế.
- Nâng cao nhận thức và năng lực cho các bên liên quan.

Triển vọng đầu tư nước ngoài

Chiến lược Hạ tầng Số của Việt Nam dự kiến sẽ chuyển đổi bức tranh số của đất nước bằng cách nâng cao bốn trụ cột hạ tầng chính và tích hợp các công nghệ tiên tiến như 5G, AI, blockchain, IoT và điện toán đám mây. Chiến lược phác thảo các mục tiêu đầy tham vọng, bao gồm phát triển cáp quang dưới biển, các trung tâm dữ liệu, kết nối IoT và việc áp dụng rộng rãi chữ ký số để nâng cao tính kết nối giữa các lĩnh vực.

Bằng cách thúc đẩy các giải pháp thông minh trong quản lý hành chính, giao thông, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, nông nghiệp, du lịch, sản xuất và các hoạt động kinh tế xã hội khác, chiến lược tạo ra cơ hội tăng trưởng đáng kể. Các nhà đầu tư được khuyến khích cập nhật thông tin về các chính sách, quy định và ưu đãi trong lĩnh vực họ quan tâm để tối đa hóa tiềm năng đầu tư của mình.

PHỤ LỤC 1.2 Thị trường mới nổi: Một thập kỷ quyết định

Điểm Nổi Bật

Các thị trường mới nổi sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc định hình nền kinh tế toàn cầu, đóng góp khoảng 65% tăng trưởng kinh tế toàn cầu vào năm 2035, với chín thị trường mới nổi hàng đầu nằm trong số 20 nền kinh tế lớn nhất. Tuy nhiên, mặc dù có tiềm năng lớn, thu nhập bình quân đầu người vẫn sẽ thấp hơn nhiều so với các nền kinh tế phát triển.

Trong thập kỷ tới, nhân khẩu học hỗ trợ và sự phát triển công nghệ có thể thúc đẩy năng suất của các thị trường mới nổi và do đó, tăng trưởng kinh tế. Hơn nữa, chuyển đổi năng lượng và di dời chuỗi cung ứng sẽ mang đến cho các nền kinh tế này cơ hội tận dụng tài nguyên thiên nhiên phong phú, lực lượng lao động dồi dào và khả năng sản xuất.

Mặc dù có những cơ hội này, các thị trường mới nổi sẽ phải đối mặt với môi trường địa chính trị đang thay đổi, với những xung đột chưa được giải quyết và các sự gián đoạn dai dẳng khác. Các quốc gia này phải thích nghi với một thế giới mà các nhà hoạch định chính sách — đặc biệt là trong các nền kinh tế phát triển — có vẻ kém sẵn sàng hơn trong việc chấp nhận thương mại và toàn cầu hóa không giới hạn, làm tăng thêm sự phức tạp cho triển vọng tăng trưởng của các thị trường mới nổi.

Các thị trường mới nổi sẽ thúc đẩy tăng trưởng toàn cầu trong những năm tới, nhưng thập kỷ tiếp theo sẽ là thời điểm then chốt để củng cố tiến bộ của họ. Nhân khẩu học hỗ trợ, tài nguyên thiên nhiên phong phú, sự thay đổi trong động lực thương mại và đổi mới công nghệ trong năng lượng và sản xuất có thể thúc đẩy các thị trường này lên các giai đoạn phát triển cao hơn. Tuy nhiên, họ cũng sẽ phải đối mặt với một bối cảnh toàn cầu phức tạp với các sự gián đoạn địa chính trị, rủi ro biến đổi khí hậu và sự phục hồi của các chính sách công nghiệp và bảo hộ trong các nền kinh tế phát triển. Môi trường phức tạp này sẽ mang đến cả cơ hội mới nổi và thách thức đa dạng cho các thị trường mới nổi khi họ cố gắng tăng tốc tiến bộ.

Các thị trường mới nổi sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế toàn cầu

Các thị trường mới nổi sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc định hình nền kinh tế toàn cầu trong thập kỷ tới, trung bình đạt 4,06% tăng trưởng GDP đến năm 2035, so với 1,59% của các nền kinh tế phát triển. Đến năm 2035, các thị trường mới nổi sẽ đóng góp khoảng 65% tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Sự tăng trưởng này chủ yếu sẽ được thúc đẩy bởi các nền kinh tế mới nổi ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương, bao gồm Trung Quốc, Ấn Độ, Việt Nam và Philippines. Đến năm 2035, Ấn Độ sẽ được khẳng định là nền kinh tế lớn thứ ba thế giới, với Indonesia và Brazil lần lượt xếp hạng thứ tám và thứ chín.

Mặc dù có tiềm năng, nhưng tăng trưởng của các thị trường mới nổi sẽ không đủ để đạt được mức thu nhập bình quân đầu người của các nền kinh tế phát triển (trừ Saudi Arabia, Hungary và Ba Lan). Đến năm 2035, GDP bình quân đầu người theo sức mua tương đương của các thị trường mới nổi sẽ chỉ đạt 37% so với các nền kinh tế phát triển. Như đã đề cập trong Tạp chí Look Forward này (xem “Những thị trường mới nổi nào sẽ leo lên bậc thang thu nhập?” để tìm hiểu thêm), việc thu hẹp khoảng cách thu nhập bình quân đầu người với các nền kinh tế phát triển sẽ phụ thuộc vào những tiến bộ trong tăng trưởng năng suất ở các nền kinh tế mới nổi. Tuy nhiên, sự tăng trưởng kinh tế dự kiến và tầm quan trọng của họ vẫn sẽ thúc đẩy đầu tư trong tương lai và mang lại cơ hội tăng trưởng đáng kể.

Dân số sẽ tiếp tục ủng hộ các thị trường mới nổi

Khi tỷ lệ sinh toàn cầu giảm, các nền kinh tế mới nổi có cơ hội độc đáo để tận dụng lợi thế dân số của mình. Trong thập kỷ tới, hầu hết các thị trường mới nổi sẽ hưởng lợi từ dân số hỗ trợ, với tỷ lệ dân số phụ thuộc vào người già trung bình đạt 24% đến năm 2035. Xu hướng dân số thuận lợi này sẽ mở rộng lực lượng lao động và thị trường tiêu dùng của họ. Tuy nhiên, những trường hợp ngoại lệ đáng chú ý bao gồm Trung Quốc, Ba Lan, Thái Lan và Hungary, tất cả đều đang đối mặt với dân số già nhanh chóng. Đến năm 2050, tỷ lệ phụ thuộc vào người già của các thị trường mới nổi dự kiến sẽ đạt 35%, vẫn còn thấp hơn nhiều so với 50% dự kiến ở các quốc gia có thu nhập cao.

Mặc dù có những lợi thế này, nhưng tỷ lệ dân số phụ thuộc ngày càng tăng sẽ gây áp lực lên dịch vụ y tế và ngân sách do chi phí lương hưu ngày càng tăng. Để duy trì lực lượng lao động hiệu quả, các thị trường mới nổi phải dành sự chú ý và nguồn lực đáng kể để phát triển kỹ năng thông qua giáo dục và công nghệ.

Đầu tư và áp dụng công nghệ sẽ là yếu tố then chốt cho sự phát triển của các thị trường mới nổi

Sự phát triển công nghệ có thể thúc đẩy năng suất của các thị trường mới nổi và do đó, tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, ở hầu hết các nền kinh tế mới nổi, đầu tư vào nghiên cứu và phát triển historically thấp, dẫn đến sự chậm trễ trong tiến bộ và áp dụng công nghệ.

Trong thập kỷ tới, sự phát triển trong lĩnh vực AI, tự động hóa và robot tiên tiến có thể sẽ làm xáo trộn động lực lao động. Những phát triển này có thể ảnh hưởng đến các thị trường mới nổi ít hơn so với các nền kinh tế phát triển do tỷ lệ lao động có tay nghề cao thấp hơn ở các thị trường mới nổi, dẫn đến sự tăng trưởng năng suất không đồng đều, nghiêng về các nền kinh tế phát triển. Nghiên cứu của Quỹ Tiền tệ Quốc tế cho thấy các thị trường mới nổi kém chuẩn bị hơn cho việc áp dụng AI, điều này có thể làm trầm trọng thêm bất bình đẳng toàn cầu.

Các công nghệ sản xuất mới cũng có thể khuyến khích các tập đoàn đưa sản xuất trở lại nước nhà, đặc biệt là từ các thị trường mới nổi có nguy cơ chính trị, hoạt động và an ninh cao hơn. Việc tăng tốc áp dụng công nghệ và số hóa các quy trình có thể cải thiện năng suất của các thị trường mới nổi, điều này — kết hợp với dân số tích cực — có thể củng cố tăng trưởng kinh tế hơn nữa trong những năm tới.

Chuyển đổi năng lượng sẽ đưa các thị trường mới nổi sản xuất khoáng sản thiết yếu vào tâm điểm

Các nỗ lực toàn cầu nhằm tăng tốc chuyển đổi năng lượng và đạt được các mục tiêu phát triển bền vững sẽ thúc đẩy nhu cầu về khoáng sản thiết yếu. Đặc biệt, đồng, cobalt, nickel và lithium là rất cần thiết trong sản xuất xe điện và pin, cũng như các thành phần chính khác để sản xuất năng lượng tái tạo. Sự tăng trưởng nhu cầu này sẽ tăng theo cấp số nhân.

Một nghiên cứu chung từ S&P Global Market Intelligence và S&P Global Commodity Insights về đồng và chuyển đổi năng lượng cho thấy nhu cầu đồng — yếu tố chính cho điện khí hóa — dự kiến sẽ gấp đôi từ 25 triệu tấn mét (MMt) hiện tại lên khoảng 50 MMt vào năm 2035. Đối với lithium, một báo cáo của Nghị viện Châu Âu năm 2021 cho biết, để Châu Âu đạt được các mục tiêu chuyển đổi năng lượng, nhu cầu cần tăng 18 lần vào năm 2030 và 60 lần vào năm 2050.

Các nhà lãnh đạo trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản cho chuyển đổi năng lượng bao gồm Trung Quốc (đồng, cobalt, nickel và lithium), Chile (đồng và lithium), Peru (đồng) và Indonesia (nickel). Các sáng kiến ở các nền kinh tế phát triển nhằm đa dạng hóa nguồn cung và đảm bảo tiếp cận chiến lược với những khoáng sản này, khả năng cao sẽ thúc đẩy đầu tư vào các thị trường mới nổi có trữ lượng lớn. Các sáng kiến này bao gồm Đối tác Bảo mật Khoáng sản và Đạo luật Giảm phát của Hoa Kỳ, mà mở rộng lợi ích cho các quốc gia có hiệp định thương mại tự do với Hoa Kỳ.

Để tận dụng cơ hội đầu tư nước ngoài, một số thị trường mới nổi đã bắt đầu tạo ra các ưu đãi mới thông qua việc thay đổi chính sách và cải thiện hạ tầng.

Chính phủ Indonesia đã cấm xuất khẩu nickel để thúc đẩy chế biến nội địa có giá trị gia tăng cao hơn và tìm cách tạo ra chuỗi cung ứng xe điện bằng cách giới thiệu các chính sách hỗ trợ để thu hút các nhà sản xuất và chế tạo pin. Các chính sách này bao gồm giảm thuế giá trị gia tăng cho xe điện, tự do hóa lao động và giảm thuế doanh nghiệp.

Tại Mỹ Latinh, Argentina đang tìm cách thúc đẩy phát triển lĩnh vực lithium của mình bằng cách khuyến khích đầu tư từ khu vực tư nhân thông qua một chương trình thu hút đầu tư gọi là Régimen de Incentivo para Grandes Inversiones (RIGI), áp dụng cho các lĩnh vực chiến lược, bao gồm khai thác khoáng sản. Chile có một trong những trữ lượng lithium lớn nhất thế giới, một khoáng sản được phân loại là chiến lược, với vai trò lớn của nhà nước trong việc phát triển nhưng cũng cho phép hợp tác với khu vực tư nhân.

Các quốc gia ở châu Phi cận Sahara có trữ lượng đồng và cobalt đáng kể, chẳng hạn như Cộng hòa Dân chủ Congo, cũng đang tìm cách khắc phục những thiếu hụt cơ sở hạ tầng phổ biến để thu hút nhiều đầu tư nước ngoài hơn.

Các rủi ro vật lý gia tăng yêu cầu các biện pháp chủ động

Các điều kiện thời tiết cực đoan và các rủi ro vật lý gia tăng sẽ có khả năng tiếp tục là nguồn gây ra các sự gián đoạn trong nhiều năm tới, gây ra tổn thất kinh tế và tài chính. Các sự gián đoạn chuỗi cung ứng và thiệt hại cơ sở hạ tầng liên quan đến các rủi ro vật lý như nhiệt độ cực cao, căng thẳng về nước, hạn hán, lũ lụt, cháy rừng và bão nhiệt đới ngày càng trở nên phổ biến. Đến năm 2050, nếu nhiệt độ toàn cầu không giữ dưới 2 độ C và không có biện pháp thích ứng, chúng tôi ước tính rằng có thể mất tới 4,4% GDP toàn cầu hàng năm.

Các thị trường mới nổi và biên giới là những nơi chịu ảnh hưởng nhiều nhất trên toàn cầu. Mức độ tiếp xúc với các rủi ro này sẽ thử thách khả năng phục hồi và thích ứng kinh tế của họ. Theo Báo cáo thường niên 2023 của Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc, nhu cầu thích ứng hàng năm ước tính dao động từ 215 tỷ đến 387 tỷ đô la (tức là 0,6%-1% GDP của các nền kinh tế biên giới) mỗi năm trong thập kỷ này. Kết quả là, các quốc gia dễ bị tổn thương có thể tiếp tục tụt lại phía sau so với các quốc gia giàu có hơn, để lại dân số và nỗ lực phát triển kinh tế của họ phải đối mặt với các rủi ro khí hậu vật lý gia tăng.

Việc thích ứng và xây dựng khả năng phục hồi trước các tác động vật lý của biến đổi khí hậu vẫn rất đặc thù theo địa điểm. Nhu cầu đầu tư sẽ khác nhau tùy thuộc vào loại rủi ro và tác động. Các cơn bão thường sẽ nổi bật hơn ở Nam Á, Đông Á và Thái Bình Dương, và vùng Caribê so với các quốc gia không giáp biển ở Trung Á, Trung Đông và Bắc Phi, và châu Phi

hạ Sahara. Các tổn thất kinh tế do căng thẳng về nước — một rủi ro mãn tính diễn ra từ từ theo thời gian — sẽ đặc biệt rõ ràng ở Mexico, miền nam Argentina, Ấn Độ, Trung Đông và Bắc Phi, và miền nam châu Phi.

Di dời chuỗi cung ứng sẽ vẫn là một xu hướng chính có thể mang lại lợi ích cho các thị trường mới nổi

Di chuyển sản xuất đến các nước gần hơn (nearshoring) và các nước có quan hệ đồng minh (friendshoring) đã thu hút sự chú ý khi các gián đoạn chuỗi cung ứng trong đại dịch COVID-19 thúc đẩy các nhà sản xuất đa dạng hóa địa điểm hoạt động của họ. Cạnh tranh chiến lược giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc cũng như tác động của cuộc xâm lược Ukraine của Nga đã khuyến khích các công ty tái cấu trúc chuỗi cung ứng của mình.

Với mối liên kết sản xuất lâu đời và tiếp cận thị trường Hoa Kỳ, Mexico là một quốc gia có tiềm năng rõ ràng để hưởng lợi từ xu hướng di chuyển sản xuất đến các nước gần hơn. Tác động đối với nền kinh tế Mexico có thể đáng kể, ngay cả khi chỉ có một phần nhỏ sản xuất được chuyển đến nước này từ các trung tâm khác. Tuy nhiên, Mexico phải đối mặt với những thách thức đáng kể để thu được lợi ích từ xu hướng này, nếu không được giải quyết, có thể làm suy yếu tiềm năng tăng trưởng của nước này trong thập kỷ tới. Các thách thức này bao gồm cơ sở hạ tầng không đầy đủ, lo ngại về an ninh và thiếu động lực chính trị để cải thiện quy định và các sáng kiến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Di dời chuỗi cung ứng toàn cầu cũng sẽ mang lại lợi ích cho Việt Nam. Mối quan hệ của Việt Nam với Hoa Kỳ đã phát triển nhanh chóng, ngay cả trước đại dịch. Xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ đã tăng gấp bốn lần kể từ năm 2013 và tăng tốc sau khi áp đặt thuế quan đối với Trung Quốc vào năm 2018. Nước này đã trở thành nhà cung cấp hàng hóa lớn thứ bảy của Hoa Kỳ vào năm 2023. Chúng tôi ước tính rằng Việt Nam có thể trở thành một trong những thị trường mới nổi tăng trưởng nhanh nhất vào năm 2035, được thúc đẩy bởi tính nhất quán trong chính sách và tập trung vào củng cố tiềm năng thương mại của mình. Sự hiện diện mạnh mẽ của Việt Nam trong các chuỗi cung ứng toàn cầu đang phát triển sẽ được quyết định bởi tiến bộ bền vững trong việc giải quyết các hạn chế về cơ sở hạ tầng, lao động và tài nguyên.

Ấn Độ được dự đoán sẽ là nền kinh tế lớn nhất tăng trưởng nhanh nhất trong ba năm tới và lớn thứ ba trên toàn cầu vào năm 2030. Việc Ấn Độ gia nhập Chỉ số trái phiếu chính phủ thị trường mới nổi của JP Morgan vào năm 2024 có thể cung cấp nguồn tài chính bổ sung cho chính phủ và mở ra nguồn lực đáng kể trong thị trường vốn trong nước. Đây chỉ là bước đầu tiên - các nhà đầu tư sẽ tiếp tục tìm kiếm khả năng tiếp cận thị trường và thủ tục thanh toán được cải thiện.

Ấn Độ cũng đã thực hiện các biện pháp để cải thiện tính linh hoạt tài chính yếu kém của mình bằng cách tăng cường chi tiêu vốn, hỗ trợ thêm cho tăng trưởng dài hạn. Nhưng những thách thức về dân số là có ý nghĩa, với dự kiến nước này sẽ có dân số lớn nhất thế giới vào năm 2035. Điều này đặt ra những thách thức ngày càng lớn về phạm vi dịch vụ cơ bản và nhu cầu đầu tư ngày càng tăng để duy trì năng suất.

Các thị trường mới nổi sẽ cần điều hướng một bối cảnh toàn cầu phức tạp với những thách thức đối với thương mại và đầu tư không ma sát

Các thị trường mới nổi đang điều hướng một môi trường địa chính trị đang phát triển, nơi sự gián đoạn có thể vẫn là một hằng số và các liên minh trở nên linh hoạt hơn. Các nhà hoạch định chính sách - đặc biệt là ở các thị trường tiên tiến - ít sẵn lòng chấp nhận thương mại tự do và thay vào đó định hướng chính sách của họ xung quanh cạnh tranh chiến lược.

Nhiều thị trường mới nổi đang định vị mình để tận dụng điều này như một cơ hội để tái cân bằng, tạo ra sự kiên cường hơn thông qua đa dạng hóa đối tác. Tuy nhiên, các nền kinh tế mới nổi sẽ bị tiếp xúc, ở các mức độ khác nhau, với những tác động phá vỡ ngay lập tức của các xung đột vũ trang chưa được giải quyết và tiềm ẩn cũng như các cân nhắc về an ninh quốc gia ngày càng tăng nằm dưới nền tảng các chính sách kinh tế và thương mại. Khả năng thích ứng của các thị trường mới nổi trong việc vượt qua những động thái bất ổn này sẽ quyết định triển vọng tăng trưởng khi dòng chảy thương mại và đầu tư được hiệu chỉnh lại.

Dữ liệu liên quan đến thương mại của chúng tôi cho thấy Hoa Kỳ và Trung Quốc chủ yếu là đối tác thương mại chính hoặc thứ hai của hầu hết các thị trường mới nổi. Sự cạnh tranh chiến lược này có thể tăng áp lực đối với các nền kinh tế mới nổi để hạn chế tính linh hoạt trong quan hệ thương mại và đầu tư vào các lĩnh vực được coi là chiến lược (sản xuất, xe điện, khoáng sản quan trọng, viễn thông, cảng biển, truyền tải điện, v.v.), điều này có thể khiến con đường đạt được tham vọng tăng trưởng nhanh chóng của họ trở nên khó khăn hơn.

Cho đến nay, hành vi của hầu hết các thị trường mới nổi cho thấy việc phòng ngừa rủi ro bằng cách tăng cường liên kết thương mại hoặc đảm bảo vốn với Hoa Kỳ và Trung Quốc sẽ tiếp tục trong thập kỷ tới, cũng như mở rộng liên kết thương mại trong từng khu vực và giữa các thị trường mới nổi.

Hai xu hướng toàn cầu cần theo dõi sẽ đặc biệt ảnh hưởng đến các thị trường mới nổi là sự gia tăng chính sách công nghiệp trong các nền kinh tế phát triển và sự xuất hiện của luật pháp ngoài lãnh thổ.

Khi các nền kinh tế phát triển gia tăng trợ cấp để bảo vệ các lĩnh vực chiến lược, bảo đảm việc làm và thúc đẩy đổi mới công nghệ, khả năng cạnh tranh của các thị trường mới nổi trên một sân chơi công bằng sẽ bị ảnh hưởng. Tương tự, sự xuất hiện của luật pháp ngoài lãnh thổ, đặc biệt là từ Liên minh Châu Âu (EU), sẽ thêm một lớp phức tạp khác trong việc thu hút đầu tư. Các luật như chỉ thị thẩm định bền vững doanh nghiệp của EU (CS3D) sẽ cung cấp cơ hội cho các thị trường mới nổi điều chỉnh hoạt động và chuỗi cung ứng của mình để phù hợp với các tiêu chuẩn về môi trường, lao động và quyền con người của EU. Các công ty hoạt động tại các thị trường mới nổi sẽ cần tiến hành thẩm định để đảm bảo các tiêu chuẩn này được thực hiện trong toàn bộ hoạt động và chuỗi cung ứng.

Tuy nhiên, các thị trường mới nổi gặp khó khăn trong việc thích ứng sẽ có khả năng đối mặt với những hạn chế về đầu tư trực tiếp nước ngoài. Thay vì rủi ro bị phạt lên đến 5% doanh thu toàn cầu rỗng, các công ty hoạt động tại các khu vực vì

phạm CS3D có thể chọn ngừng hoạt động. Sự sẵn sàng của các thị trường mới nổi trong việc làm việc với khu vực tư nhân và khả năng duy trì một môi trường ổn định, có thể dự đoán và lập kế hoạch cho tương lai sẽ là yếu tố then chốt trong thập kỷ tới.

PHỤ LỤC 1.3

Chỉ số niềm tin của doanh nghiệp EuroCham (BCI) đối với Việt Nam tăng trưởng, 38% kỳ vọng lợi ích từ DPPA

Chỉ số niềm tin của doanh nghiệp EuroCham (BCI) đối với Việt Nam đã tăng lên 52 trong quý III năm 2024 từ 51,3 trong quý II, bất chấp những tác động nghiêm trọng của siêu bão Yagi.

Sự tăng trưởng này khẳng định xu hướng phục hồi của chỉ số sau khi chứng kiến sự suy giảm trong quý trước, theo thông cáo báo chí của Eurocham vào thứ Ba.

Tổ chức này cho biết sự tăng nhẹ của BCI cho thấy sự lạc quan thận trọng vẫn được chia sẻ rộng rãi giữa các doanh nghiệp. Đà phát triển này, kết hợp với sự tăng đột biến tăng trưởng GDP trong nửa đầu năm 2024, cho thấy sự phục hồi thị trường sớm nhưng vẫn yếu.

Thiệt hại do siêu bão Yagi gây ra, đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến cơ sở hạ tầng và ngành nông nghiệp ở miền Bắc Việt Nam, đã khiến chính phủ Việt Nam dự báo giảm 0,15 điểm phần trăm tăng trưởng GDP cho năm 2024, với ước tính thiệt hại lên tới 3,3 tỷ đô la, EuroCham lưu ý.

Tuy nhiên, cuộc khảo sát BCI mới nhất của tổ chức này, được thực hiện sau khi siêu bão tàn phá nhiều vùng rộng lớn của đất nước từ ngày 12 đến 25 tháng 9, cho thấy gần một nửa (47,4%) số người được hỏi tin tưởng rằng công ty của họ sẽ chứng kiến sự cải thiện trong quý tới.

Hơn nữa, lạc quan dài hạn vẫn cao, với 69,3% kỳ vọng môi trường kinh doanh thuận lợi trong năm năm tới.

Cuộc khảo sát cũng cho thấy những người được hỏi của EuroCham chia sẻ cùng ba mối quan tâm hàng đầu như trong các quý trước: gánh nặng hành chính, quy định không rõ ràng và khó khăn trong việc xin giấy phép và giấy phép.

Về cơ chế thỏa thuận mua bán điện trực tiếp (DPPA), cuộc khảo sát cho thấy 38% doanh nghiệp đã được hưởng lợi hoặc đang kỳ vọng được hưởng lợi ở các mức độ khác nhau - nhẹ, vừa phải và đáng kể.

Về quá trình chuyển đổi xanh của Việt Nam, 47% người được hỏi trong cuộc khảo sát cho biết họ "tương đối tự tin" hoặc "rất tự tin" vào khả năng chuyển đổi hoàn toàn sang năng lượng tái tạo vào năm 2050.

PHỤ LỤC 1.4

Theo dõi Sản xuất Việt Nam: 2024-25

Ngành sản xuất là nền tảng cho sự tăng trưởng và sức bật kinh tế của Việt Nam. Chính phủ đã thực hiện một số sáng kiến để tận dụng những thế mạnh vốn có của đất nước, dẫn đến những kết quả hữu hình được hỗ trợ bởi dữ liệu thuyết phục. Báo cáo theo dõi sản xuất Việt Nam 2024-25 của Vietnam Briefing cung cấp dữ liệu, thông tin chuyên sâu và cập nhật về chính sách mới nhất để giúp các nhà đầu tư nước ngoài và nhà phân tích cập nhật về ngành công nghiệp này.

Trong vài thập kỷ qua, Việt Nam đã tận dụng hiệu quả các lợi thế chính của mình để trở thành một người chơi quan trọng trong các chuỗi cung ứng toàn cầu, với vai trò của mình ngày càng nổi bật hơn trong bối cảnh chiến lược di dời sản xuất "Trung Quốc cộng một".

Sự quan trọng ngày càng tăng này chủ yếu được thúc đẩy bởi ngành sản xuất lao động thâm dụng của Việt Nam, đặc trưng bởi chi phí lao động tương đối thấp, cơ sở hạ tầng xuất khẩu phát triển tốt và vị trí chiến lược trên các tuyến thương mại chính.

Chính phủ Việt Nam đã chủ động ở cả cấp quốc gia và cấp tỉnh, thực hiện các biện pháp như các chương trình quốc gia, ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp hào phóng cho các công ty công nghệ cao và phát triển các khu công nghiệp chuyên ngành.

Cập nhật Q3/2024

Những khó khăn bên ngoài, cùng với thiệt hại đáng kể từ siêu bão Yagi, đã có tác động bất lợi đến hiệu suất kinh tế của Việt Nam trong quý III năm 2024.

Mặc dù có những trở ngại này, Việt Nam đã thể hiện được sự tăng trưởng kiên cường, với hầu hết các chỉ số chính vẫn tích cực.

Nền kinh tế Việt Nam đã phục hồi tốt trong quý III năm 2024, phản ánh sự lạc quan toàn cầu khi năm kết thúc. Tăng trưởng GDP của Việt Nam trong chín tháng đầu năm đạt 6,82%, tăng đáng kể so với mức 4,4% trong cùng kỳ năm ngoái. Ngành công nghiệp và dịch vụ là động lực chính của sự tăng trưởng này.

GDP và giá trị gia tăng của ngành sản xuất

Tổng cục Thống kê (GSO) báo cáo rằng giá trị gia tăng của ngành công nghiệp đối với GDP trong chín tháng đầu năm 2024 đã tăng 8,34% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 2,71 điểm phần trăm vào tổng tỷ lệ tăng trưởng của nền kinh tế.

Phân tích đóng góp của ngành công nghiệp này:

- Chế biến và sản xuất tăng 9,76%, đóng góp 2,44 điểm phần trăm;
- Cung cấp, quản lý và xử lý nước thải tăng 9,83%, đóng góp 0,06 điểm phần trăm;
- Sản xuất và phân phối điện tăng 11,11%, đóng góp 0,43 điểm phần trăm; và
- Hoạt động khai thác mỏ giảm 7,01%, làm giảm tăng trưởng 0,22 điểm phần trăm.

Theo GSO, ngành chế biến và sản xuất chiếm hơn 79,4% tổng giá trị gia tăng của tất cả các ngành công nghiệp với giá so sánh, trở thành động lực chính của tốc độ tăng trưởng công nghiệp của Việt Nam và thúc đẩy tăng trưởng tổng thể của nền kinh tế Việt Nam.

Chỉ số Quản lý Mua hàng Sản xuất Việt Nam (PMI)

Chỉ số Sản xuất PMI của S&P Global phản ánh hiệu suất của ngành sản xuất bằng cách khảo sát 400 doanh nghiệp trong ngành. PMI được xây dựng dựa trên năm chỉ số phụ có trọng số:

- Đơn hàng mới (30%)
- Sản lượng (25%)
- Việc làm (20%)
- Thời gian giao hàng của nhà cung cấp (15%)
- Hàng tồn kho (10%)

Một kết quả trên 50 cho thấy sự mở rộng của ngành sản xuất so với tháng trước, dưới 50 đại diện cho sự co lại, trong khi 50 cho thấy không có thay đổi.

Giải thích điểm số PMI

Vào tháng 7 năm 2024, Chỉ số Quản lý Mua hàng Sản xuất PMI của S&P Global tại Việt Nam vẫn mạnh ở mức 54,7, duy trì đà tăng trưởng từ tháng 6. Các chỉ số chính cho thấy xu hướng tích cực, với đơn hàng mới tăng trong tháng thứ tư liên tiếp và sản lượng đạt mức cao nhất kể từ tháng 3 năm 2011. Trong khi đó, hàng tồn kho tiếp tục giảm trong tháng thứ 11 liên tiếp, giảm nhanh nhất kể từ tháng 4.

Tuy nhiên, đến tháng 9, PMI của Việt Nam đã giảm xuống dưới mốc 50, báo hiệu điều kiện kinh doanh yếu hơn trong quý III năm 2024 sau một thời gian dài tăng trưởng mạnh mẽ. PMI giảm xuống 47,3 vào tháng 9, cho thấy sự suy giảm đáng kể về sức khỏe của ngành sản xuất, phần lớn là do tác động tàn phá của siêu bão Yagi. Đây là mức giảm mạnh nhất kể từ tháng 1 năm 2023.

Những điểm nổi bật chính trong tháng 9 bao gồm:

- Sự giảm mạnh về cả sản lượng và đơn hàng mới.
- Hàng tồn kho hàng hóa nhập về giảm xuống mức thấp kỷ lục.
- Số lượng nhân viên tăng nhẹ.

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)

IIP là một chỉ số đánh giá tốc độ tăng trưởng của sản xuất công nghiệp hàng tháng, hàng quý hoặc hàng năm. Nó phản ánh sự tăng trưởng của sản xuất công nghiệp nói chung và tốc độ tăng trưởng của từng hàng hóa nói riêng.

IIP được tính dưới dạng phần trăm của sản xuất công nghiệp được tạo ra trong kỳ hiện tại và kỳ cơ sở.

Giải thích điểm số IIP

Dự kiến IIP của Việt Nam trong tháng 9 năm 2024 đã tăng 10,8% so với cùng kỳ năm trước. So với cùng kỳ năm ngoái, các ngành công nghiệp thuộc phạm vi của IIP đã có những thay đổi sau:

- Chế biến và sản xuất tăng 13,1%.
- Sản xuất và phân phối điện tăng 6,4%.
- Cung cấp, quản lý và xử lý nước thải tăng 15,2%.
- Khai thác mỏ giảm 7,3%.

Đối với chín tháng đầu năm 2024, dự kiến IIP đã tăng 8,6% so với cùng kỳ năm trước, với hiệu suất cụ thể của từng ngành như sau:

- Sản xuất tăng 9,9%.
- Cung cấp điện, khí, hơi nước và điều hòa không khí tăng 11,1%.
- Cung cấp nước, thoát nước, quản lý chất thải và cải tạo tăng 9,9%.
- Khai thác mỏ và đá giảm 6,4%.

Việc làm trong ngành sản xuất

Chi phí lao động phải chăng là một lợi thế quan trọng của Việt Nam trong việc thu hút các nhà sản xuất nước ngoài. Với vai trò quan trọng của ngành sản xuất trong nền kinh tế, tác động của nó đến việc làm cũng đáng kể. Đến năm 2022, ngành sản xuất đã sử dụng lực lượng lao động lớn thứ hai ở Việt Nam, chỉ đứng sau nông nghiệp.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành chế biến và sản xuất của Việt Nam

Trong chín tháng đầu năm 2024, ngành chế biến và sản xuất tiếp tục dẫn đầu trong việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2024, ngành này chiếm số lượng lớn nhất các giấy phép đầu tư mới, với vốn đăng ký đạt 9,02 tỷ USD, chiếm 66,6% tổng vốn đăng ký mới. Tính đến tháng 9 năm 2024, tổng FDI vào ngành chế biến và sản xuất đạt 14,98 tỷ USD, chiếm 70,7% tổng vốn đăng ký mới và vốn bổ sung.

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI), FDI vào ngành sản xuất của Việt Nam năm 2023 đã vượt 23,5 tỷ USD, đóng góp 64,2% tổng vốn FDI nhận được. Với sự phục hồi mạnh mẽ của nhu cầu xuất khẩu các sản phẩm điện tử, máy tính và linh kiện từ các thị trường chính như Hoa Kỳ, EU và Trung Quốc, Tổng cục Thống kê (GSO) đã dự đoán ngành sản xuất của Việt Nam sẽ phục hồi mạnh mẽ vào năm 2024.

Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam

Hoạt động nhập khẩu và xuất khẩu của Việt Nam đã vượt kỳ vọng trong chín tháng đầu năm 2024, với tổng kim ngạch thương mại đạt 578,5 tỷ USD, tăng 16,3% so với cùng kỳ năm trước. Nước này ghi nhận thặng dư thương mại 20,8 tỷ USD, một kết quả tích cực cho giai đoạn 2020-2024.

Theo Bộ Công Thương, xuất khẩu của Việt Nam trong chín tháng đầu năm 2024 đạt khoảng 299,63 tỷ USD, phản ánh mức tăng 15,4% so với cùng kỳ năm trước. Hàng hóa chế biến và sản xuất tiếp tục chiếm ưu thế, đóng góp khoảng 253,9 tỷ USD, tương đương 84,7% tổng kim ngạch xuất khẩu. Xuất khẩu của những mặt hàng này tăng 15,2% so với cùng kỳ năm 2023.

Ưu đãi đầu tư tại Việt Nam

Luật Đầu tư của Việt Nam quy định ba hình thức ưu đãi có sẵn cho các công ty hoạt động trong nước:

- Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (CIT), bao gồm các mức thuế ưu đãi và mức thuế miễn thuế khác nhau;
- Ưu đãi thuế nhập khẩu; và
- Miễn trừ hoặc giảm tiền thuê đất và thuế.

Các ưu đãi CIT có thể được cấp cho các khoản đầu tư dựa trên việc chúng thuộc ngành ưu tiên hoặc được Chính phủ khuyến khích và/hoặc được thành lập trong các khu kinh tế hoặc địa điểm bất lợi, v.v.

Phân loại khu công nghiệp tại Việt Nam

Theo Nghị định số 82/2018/ND-CP về quản lý khu công nghiệp và khu chế xuất, khu công nghiệp tại Việt Nam được phân thành ba loại chính, bao gồm:

- **Khu chế xuất (EPZ):** Là các khu công nghiệp tập trung sản xuất hàng hóa xuất khẩu và cung cấp dịch vụ hỗ trợ sản xuất để xuất khẩu. Các khu vực này phải tuân thủ các điều kiện, quy trình và thủ tục được nêu trong Nghị định.
- **Khu công nghiệp phụ trợ:** Là các khu công nghiệp chuyên sản xuất sản phẩm phụ trợ và cung cấp dịch vụ liên quan. Lên đến 60% diện tích đất công nghiệp cho thuê trong các khu vực này có thể được cho thuê hoặc cho thuê lại cho các dự án công nghiệp phụ trợ.
- **Khu công nghiệp sinh thái:** Là các khu công nghiệp chú trọng sản xuất sạch hơn, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và hợp tác giữa các doanh nghiệp để nâng cao lợi ích kinh tế, môi trường và xã hội thông qua cộng sinh công nghiệp (industrial symbiosis).

Khuôn khổ chính sách quốc gia về phát triển sản xuất của Việt Nam

Nhận ra tầm quan trọng của ngành sản xuất và phát triển công nghiệp đối với sức khỏe của nền kinh tế nói chung, Chính phủ Việt Nam đã thực hiện một số chương trình quốc gia để tiếp tục thúc đẩy các lĩnh vực này.

Chiến lược xuất nhập khẩu giai đoạn 2011-2020, với tầm nhìn đến năm 2030

Quyết định số 2471/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2011 của nguyên Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã phê duyệt Chiến lược xuất nhập khẩu giai đoạn 2011-2020, với tầm nhìn đến năm 2030.

Khuôn khổ này nêu rõ các mục tiêu cụ thể và chiến lược thực hiện cho ngành sản xuất:

- Định hướng xuất khẩu: Tập trung phát triển sản phẩm công nghệ cao và tiên tiến trong các ngành chế biến và sản xuất.
- Tái cơ cấu sản xuất và kinh tế: Khuyến khích và thu hút đầu tư vào các ngành công nghiệp hỗ trợ để đáp ứng nhu cầu trong nước và tích hợp vào chuỗi cung ứng toàn cầu, đặc biệt là trong lĩnh vực cơ khí chế tạo, điện tử, linh kiện ô tô, dệt may, giày dép và công nghệ cao.

Chiến lược phát triển công nghiệp đến năm 2025, với tầm nhìn đến năm 2035

Chiến lược phát triển công nghiệp đến năm 2025, với tầm nhìn đến năm 2035, đã được phê duyệt theo Quyết định số 879/QĐ-TTg ngày 9 tháng 6 năm 2014. Chiến lược này đặt ra các ưu tiên phát triển cụ thể cho các phân ngành chế biến và sản xuất sau:

- Cơ khí và luyện kim
- Hóa chất
- Chế biến sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản
- Hàng may mặc, dệt, da và giày dép

Chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030 với tầm nhìn đến năm 2045

Nghị quyết số 23/NQ-TW ngày 22 tháng 3 năm 2018 nêu rõ Chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030 với tầm nhìn đến năm 2045. Các mục tiêu cụ thể cần đạt được đến năm 2030 bao gồm:

- Công nghiệp dự kiến đóng góp hơn 40% GDP, trong đó ngành chế biến và sản xuất chiếm khoảng 30% và riêng ngành sản xuất chiếm hơn 20%.
- Tỷ lệ sản phẩm công nghệ cao trong ngành chế biến và sản xuất sẽ đạt ít nhất 45%.
- Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng của công nghiệp sẽ trung bình trên 8,5%, với ngành chế biến và sản xuất tăng trưởng hơn 10% hàng năm.
- Năng suất lao động trong ngành công nghiệp sẽ tăng 7,5% mỗi năm.
- Chỉ số hiệu suất công nghiệp cạnh tranh (CIP) sẽ xếp hạng trong top ba nước ASEAN.
- Tỷ lệ lao động trong ngành công nghiệp và dịch vụ sẽ vượt quá 70%.
- Phát triển các cụm và doanh nghiệp công nghiệp quy mô lớn, đa quốc gia và cạnh tranh toàn cầu.

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025

Kế hoạch hành động của chính phủ được quy định trong Nghị quyết số 99/NQ-CP thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn năm năm từ 2021 đến 2025. Kế hoạch hành động nêu rõ các mục tiêu cụ thể liên quan đến ngành sản xuất, bao gồm:

- Tốc độ tăng trưởng GDP trung bình trong giai đoạn 5 năm này đạt khoảng 6,5 - 7%;
- Tỷ lệ ngành chế biến và sản xuất trong GDP đạt trên 25%;
- Kinh tế số chiếm khoảng 20% GDP; và
- Đóng góp của năng suất tổng yếu tố (TFP) vào tăng trưởng là khoảng 45%

Chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Với mục tiêu trao quyền cho nền kinh tế thông qua chuyển đổi tăng trưởng xanh, Chính phủ Việt Nam đã ban hành Quyết định số 1658/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia giai đoạn 2021-2030 với tầm nhìn đến năm 2050. Các mục tiêu chính là:

- Giảm mức tiêu thụ năng lượng trong các hoạt động sản xuất, vận tải, thương mại và công nghiệp;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các ngành sản xuất xanh mới; và
- Khuyến khích ứng dụng công nghệ xanh cùng với hệ thống quản lý và kiểm soát hoạt động sản xuất.

PHỤ LỤC 1.5

Tăng trưởng mạnh mẽ trong giá trị thương hiệu thực phẩm và ngân hàng mang đến triển vọng sáng cho Việt Nam năm 2024

Mặc dù môi trường kinh tế đầy thách thức và nhu cầu trong nước yếu hơn, các thương hiệu Việt Nam, đặc biệt là trong lĩnh vực thực phẩm và ngân hàng, đã thể hiện sức bật và tăng trưởng đáng kể trong năm 2024. Các thương hiệu hàng đầu của nước này không chỉ duy trì thứ hạng của mình mà còn ghi nhận những tăng giá trị đáng kể, thách thức áp lực của thị trường toàn cầu và địa phương.

Top 3 thương hiệu duy trì vị trí dẫn đầu

Ba thương hiệu có giá trị cao nhất của Việt Nam đã giữ được thứ hạng năm 2023 của mình. Viettel dẫn đầu với giá trị thương hiệu là 8,9 tỷ USD, tiếp theo là Vinamilk và VNPT. Viettel, một tập đoàn viễn thông, đã giữ vị trí hàng đầu trong chín năm liên tiếp kể từ năm 2015. Sức mạnh thương hiệu của công ty cũng chứng kiến sự cải thiện đáng kể, với Chỉ số Sức mạnh Thương hiệu (BSI) tăng 4,2 điểm lên 89,4, cùng với xếp hạng thương hiệu AAA xuất sắc. Những yếu tố góp phần vào sự tăng trưởng này là nhận thức mạnh mẽ hơn về dịch vụ khách hàng, chất lượng sản phẩm, nỗ lực tiếp thị và sáng kiến bền vững của công ty.

Vinamilk, thương hiệu thực phẩm hàng đầu tại Việt Nam, đứng thứ hai với giá trị thương hiệu là 2,6 tỷ USD, mặc dù giảm 11% so với năm 2023. VNPT, nhà cung cấp viễn thông quốc gia, giữ vị trí thứ ba với giá trị thương hiệu là 2,6 tỷ USD, giảm nhẹ 3% so với năm ngoái.

Ngành ngân hàng và thực phẩm cho thấy tăng trưởng mạnh mẽ

Trong lĩnh vực ngân hàng, 17 trong số 20 thương hiệu ngân hàng niêm yết đã tăng giá trị thương hiệu của mình, dẫn đến tăng trưởng kết hợp 10%, đạt tổng cộng 13,8 tỷ USD. Vietcombank, thương hiệu ngân hàng có giá trị nhất của quốc gia, đã tăng 7% lên 2 tỷ USD. VIB nổi bật là người biểu diễn mạnh nhất, với giá trị thương hiệu tăng 51% lên 273 triệu USD.

Ngành thực phẩm cũng cho thấy hiệu suất mạnh mẽ, với 7 trong số 11 thương hiệu niêm yết ghi nhận tăng trưởng hai con số. Chin-Su, một thương hiệu nước sốt phổ biến, đã ghi nhận mức tăng trưởng giá trị thương hiệu cao nhất, tăng 71% lên 123 triệu USD. Mặc dù gặp nhiều thách thức, Vinamilk vẫn là thương hiệu thực phẩm hàng đầu, giữ vị trí là thương hiệu có giá trị cao thứ hai của Việt Nam nói chung.

Vinpearl vượt qua Viettel trở thành thương hiệu mạnh nhất

Trong một sự thay đổi đáng kể, Vinpearl, một thương hiệu khách sạn hàng đầu, đã vượt qua cả Viettel và Vietcombank để trở thành thương hiệu mạnh nhất tại Việt Nam dựa trên BSI. Giá trị thương hiệu của Vinpearl tăng 34% lên 230 triệu USD, phản ánh các chiến lược kinh doanh thành công và sự tin tưởng của người tiêu dùng. Viettel đã cải thiện thứ hạng của mình lên ba bậc so với năm ngoái và hiện là thương hiệu mạnh thứ hai, tiếp theo là Vietcombank.

Những thương hiệu có giá trị lớn nhất thúc đẩy sự lạc quan về kinh tế

Những thương hiệu hàng đầu của Việt Nam về tăng giá trị trong các lĩnh vực khác nhau đang thúc đẩy sự lạc quan giữa một dự báo kinh tế không chắc chắn. Dẫn đầu là VinFast, nhà sản xuất xe điện đang phát triển nhanh chóng của đất nước, đã ghi nhận mức tăng giá trị thương hiệu đáng kể là 142%, đạt 181 triệu USD. Vinschool, một thương hiệu giáo dục, đã tăng 109% lên 45 triệu USD, trong khi Wake-up 247, một loại nước tăng lực phổ biến, đã tăng 83% lên 149 triệu USD.

Viettel dẫn đầu về nhận thức về bền vững

Viettel cũng nắm giữ Giá trị Nhận thức về Bền vững cao nhất trong số các thương hiệu Việt Nam, được định giá 756 triệu USD, theo Chỉ số Nhận thức về Bền vững năm 2024. Điều này nhấn mạnh cam kết của Viettel đối với tính bền vững, một yếu tố ngày càng được cả người tiêu dùng và nhà đầu tư quan tâm.

Mặc dù dự báo kinh tế cho năm 2024 không mấy khả quan, nhưng hiệu suất mạnh mẽ của các thương hiệu hàng đầu của Việt Nam, đặc biệt là trong lĩnh vực thực phẩm và ngân hàng, nhấn mạnh sự kiên cường và khả năng thích ứng của các doanh nghiệp trong nước. Sự tăng trưởng mạnh mẽ về giá trị thương hiệu phản ánh những nỗ lực chiến lược để nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ khách hàng và tính bền vững, tạo ra một giai điệu tích cực cho năm tới.

Alex Haigh, Giám đốc Điều hành - Châu Á Thái Bình Dương tại Brand Finance, nhận xét: “Các thương hiệu Việt Nam, đặc biệt là trong lĩnh vực thực phẩm và ngân hàng, đã thể hiện sự kiên cường đáng kể, tiếp tục tăng giá trị bất chấp những thách thức của thị trường. Thành công của các thương hiệu như Chin-Su nhấn mạnh tầm quan trọng chiến lược của việc duy trì sức mạnh thương hiệu.”

Sự tăng trưởng này không chỉ hỗ trợ triển vọng kinh tế của Việt Nam mà còn định vị các thương hiệu của nước này để đạt được thành công bền vững trên cả địa phương và toàn cầu.

Góc nhìn Chuyên gia

PHỤ LỤC 2.1

Làm thế nào để thúc đẩy thương mại xanh và bao trùm thông qua Thương mại điện tử ở châu Á và Thái Bình Dương?

Để hỗ trợ thương mại điện tử, sự hợp tác giữa khu vực công và tư cần ưu tiên việc thu hẹp khoảng cách số, hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và thúc đẩy tính bền vững về môi trường. Tăng cường quản trị dữ liệu, cạnh tranh và khung thuế cũng là yếu tố then chốt để thương mại điện tử trở nên bền vững và công bằng.

Thương mại điện tử đã nổi lên như một lực lượng quan trọng trong nền kinh tế toàn cầu, với châu Á và Thái Bình Dương dẫn đầu, chiếm hơn một nửa doanh thu bán lẻ toàn cầu.

Xu hướng này được dự báo sẽ tiếp tục, với tỷ lệ GDP toàn cầu được gán cho thương mại điện tử tăng từ 3,8% vào năm 2019 lên 5,4% vào năm 2021. Dự báo cho thấy con số này sẽ tăng lên 6,4% vào năm 2025.

Công nghệ là động lực chính thúc đẩy sự phát triển của thương mại điện tử. Sự gia tăng tiếp cận internet, sự phổ biến của điện thoại thông minh và các công nghệ mới nổi như thực tế tăng cường và thực tế ảo đang thay đổi sở thích của người tiêu dùng và kết nối một loạt sản phẩm và người bán với khách hàng một cách hiệu quả.

Ngoài ra, các chế độ thương mại mở hơn và những tiến bộ trong các biện pháp tạo thuận lợi thương mại trong khu vực đã giảm chi phí cho thương mại xuyên biên giới.

Các công ty lớn đang ngày càng tận dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để giảm chi phí và tự động hóa quy trình. Những công nghệ đổi mới này sẽ nâng cao thương mại điện tử toàn cầu, đặc biệt trong các lĩnh vực như khám phá sản phẩm, trải nghiệm khách hàng và tuân thủ quy định.

Tuy nhiên, sự chuẩn bị cho thương mại điện tử giữa các quốc gia và cộng đồng vẫn còn không đồng đều, và cần phải giải quyết nhiều khía cạnh để đảm bảo rằng sự phát triển này vừa bao trùm vừa bền vững.

Các lĩnh vực hành động chính bao gồm tăng cường hỗ trợ cho các nhóm dễ bị tổn thương, bảo vệ môi trường và thúc đẩy cạnh tranh công bằng cũng như các chính sách thuế hiệu quả.

Tận dụng thương mại điện tử cho sự phát triển bao trùm đi kèm với những thách thức đáng kể, đặc biệt đối với các doanh nghiệp nhỏ. Khoảng cách số vẫn là một vấn đề lớn trong các nền kinh tế và đối với các nhóm người dễ bị tổn thương, do sự khác biệt về cơ sở hạ tầng số.

Những thách thức về logistics yêu cầu cải thiện liên tục về cơ sở hạ tầng để hỗ trợ sự phát triển của các doanh nghiệp nhỏ. Các rào cản như thiếu tài sản thế chấp vật lý làm phức tạp việc tài trợ, đặc biệt là đối với thương mại điện tử xuyên biên giới.

Để giải quyết vấn đề này, cần có một cách tiếp cận chính sách tổng thể nhằm giúp các doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) điều hướng quy trình xuất khẩu, từ việc đảm bảo chất lượng sản phẩm và quản lý logistics đến việc đơn giản hóa thủ tục nhập khẩu, hệ thống thanh toán và kết nối với người tiêu dùng cuối.

Một cách tiếp cận rời rạc có thể không loại bỏ được các rào cản dai dẳng và hạn chế sự tham gia của các SMEs trong thương mại điện tử xuyên biên giới.

Mặc dù thương mại điện tử đã tạo ra cơ hội kinh doanh cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) cũng như phụ nữ ở nhiều quốc gia, việc đạt được đầy đủ lợi ích của "chặng đường cuối" trong thương mại điện tử, đặc biệt là đối với các quốc gia nghèo và kém phát triển nhất, vẫn là một thách thức.

Để tận dụng tốt hơn tiềm năng của thương mại điện tử xuyên biên giới, các quốc gia ở châu Á và Thái Bình Dương, đặc biệt là các quốc gia kém phát triển nhất, nên gia nhập Thỏa thuận khung về Tạo thuận lợi thương mại điện tử xuyên biên giới không giấy tờ ở châu Á và Thái Bình Dương, cho phép họ tham gia vào những nỗ lực tập thể nhằm thúc đẩy tăng trưởng bao trùm.

Khủng hoảng khí hậu là một thách thức đáng kể khác đối với thương mại điện tử. Mặc dù thương mại điện tử giảm bớt nhu cầu đi lại và sử dụng giấy, nhưng sự gia tăng xe tải giao hàng, chất thải bao bì và việc trả hàng thường xuyên lại góp phần vào phát thải khí nhà kính.

Các công ty lớn đã thực hiện các bước để giảm thiểu tác động môi trường của họ. Chẳng hạn, DHL đang đầu tư đáng kể vào nhiên liệu hàng không bền vững và đặt mục tiêu sử dụng 30% nhiên liệu bền vững vào năm 2030.

Tuy nhiên, các doanh nghiệp thương mại điện tử nhỏ thường ưu tiên các mục tiêu tài chính ngay lập tức hơn là tính bền vững do biên lợi nhuận mỏng và thị trường nhạy cảm về giá ở châu Á và Thái Bình Dương. Các phương pháp bền vững thường phát sinh thêm chi phí và bị che khuất bởi những vấn đề chính sách cấp bách hơn liên quan đến SMEs và sự sống còn của doanh nghiệp trong ngắn hạn.

Sự hợp tác hiệu quả giữa các khu vực công và tư, cùng với các tiêu chí rõ ràng và các động lực, là điều cần thiết để thúc đẩy các thực tiễn thương mại điện tử bền vững và đạt được các mục tiêu bền vững lâu dài.

Các nỗ lực như tối ưu hóa lộ trình, hợp nhất lô hàng và áp dụng xe điện có thể giảm phát thải. Thêm vào đó, các hệ thống quản lý kho chung cũng có thể giảm thiểu dấu chân môi trường bằng cách hỗ trợ nhiều công ty với các kho xuất phát và lịch trình giao hàng chung.

Sự chuyển mình trong mong đợi của người tiêu dùng về tính bền vững yêu cầu thay đổi trong mô hình tiêu dùng. Cần đặt ra những kỳ vọng thực tế, vì người tiêu dùng thường yêu cầu giá thấp, giao hàng nhanh và chất lượng cao, điều này có thể mâu thuẫn với các mục tiêu bền vững.

Thương mại điện tử đã mở rộng đáng kể sự lựa chọn của người tiêu dùng và mở ra các thị trường mới cho người bán. Tuy nhiên, khi ngành công nghiệp này phát triển, có những cuộc thảo luận về cách duy trì một sân chơi bình đẳng, đặc biệt khi một số nền tảng chiếm lĩnh thị trường đáng kể.

Họ đã nêu lên những lo ngại về sự thống trị của nền tảng, việc khóa người tiêu dùng và độc quyền dữ liệu, điều này có thể hạn chế sự gia nhập của các doanh nghiệp mới và kìm hãm sự đổi mới.

Điều quan trọng là xem xét cách mà quy mô kinh tế và quyền truy cập thông tin có thể ảnh hưởng đến sự cạnh tranh và đổi mới trong ngành. Thêm vào đó, việc thu thập và sử dụng dữ liệu cá nhân là một lĩnh vực tiếp tục phát triển, yêu cầu nỗ lực mạnh mẽ hơn để đảm bảo tính minh bạch và an toàn.

Các công cụ được hỗ trợ bởi AI, chẳng hạn như xác thực sinh trắc học và hệ thống phát hiện gian lận, có thể được sử dụng để chống lại mối đe dọa gia tăng của gian lận và lừa đảo trong thương mại điện tử.

Cân bằng giữa việc bảo vệ dữ liệu và các thực tiễn chia sẻ an toàn là điều thiết yếu để thúc đẩy đổi mới và cạnh tranh. Nên xem xét các cách tiếp cận quy định khác nhau để quản lý tính động của các thị trường số.

Các khuyến nghị chính cho một cách tiếp cận quy định kinh tế số thuận lợi bao gồm việc thiết lập một môi trường hỗ trợ thông qua các kế hoạch quốc gia, chiến lược và phối hợp giữa các cơ quan. Việc làm rõ vai trò, trách nhiệm và quản trị dữ liệu là điều cần thiết, trong khi tận dụng các công cụ hiện có và mới thay vì tạo ra thêm luật mới.

Thuế là một lĩnh vực quy định quan trọng khác, đặc biệt là trong bối cảnh sự phát triển nhanh chóng của thương mại điện tử. Sự gia tăng giao dịch trực tuyến đã thêm nhiều lớp phức tạp vào việc giám sát và đánh thuế hàng hóa số, đặc biệt là khi nói đến giao dịch xuyên biên giới.

Khả năng của các công ty cung cấp dịch vụ tại các thị trường mà họ không có sự hiện diện vật lý đã thách thức các hệ thống thuế truyền thống, làm phức tạp nhiều loại thuế khác nhau, chẳng hạn như thuế tiêu dùng, thuế thu nhập và thuế hải quan.

Để giải quyết những vấn đề này, các tổ chức đa phương, chẳng hạn như OECD và Liên Hợp Quốc, đang phát triển các khung thuế quốc tế ưu tiên tính trung lập, hiệu quả, đơn giản, công bằng và linh hoạt.

Các khung này nhằm làm rõ cách thức áp dụng thuế trong lĩnh vực số, đảm bảo rằng các quy định rõ ràng và nhất quán qua các biên giới. Khi thương mại điện tử xuyên biên giới tiếp tục phát triển, sự hợp tác quốc tế vẫn là điều cần thiết cho việc đánh thuế hiệu quả trong bối cảnh đang thay đổi này.

PHỤ LỤC 2.2

Cục Dự trữ Liên bang đã cắt giảm lãi suất: Điều này có nghĩa gì đối với châu Á và Thái Bình Dương?

Cắt giảm lãi suất gần đây của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ mang lại cơ hội và thách thức cho các ngân hàng trung ương ở châu Á và Thái Bình Dương. Các nhà hoạch định chính sách cần áp dụng cách tiếp cận cân bằng, cụ thể cho từng quốc gia để điều hướng các áp lực lạm phát tiềm ẩn, sự biến động tỷ giá và dòng vốn.

Cục Dự trữ Liên bang (Fed) Mỹ đã khởi động một chu kỳ nới lỏng chính sách tiền tệ mà nhiều người đã mong đợi tại cuộc họp Ủy ban Thị trường Mở Liên bang vào tháng 9, khi cắt giảm lãi suất 50 điểm cơ bản. Các thành viên trong ủy ban dự báo sẽ có thêm 50 điểm cơ bản cắt giảm trong năm nay và việc nới lỏng của Fed sẽ tiếp tục vào năm 2025.

Điều này có thể có những hậu quả đáng kể đối với nền kinh tế toàn cầu, bao gồm cả các nền kinh tế đang phát triển ở châu Á và Thái Bình Dương.

Áp lực lạm phát trong khu vực đã giảm trong năm nay nhờ giá hàng hóa ổn định và tác động từ việc thắt chặt tiền tệ năm ngoái. Hầu hết ngân hàng trung ương đã tạm dừng tăng lãi suất, một số đã bắt đầu cắt giảm. Các ngân hàng khác có thể cũng sẽ làm theo.

Trong việc định hình chính sách của mình, các ngân hàng trung ương ở các nền kinh tế đang nổi cần tính đến sự chênh lệch lãi suất với Mỹ, điều này ảnh hưởng đến dòng vốn và tỷ giá. Việc cắt giảm lãi suất của Fed mở ra cơ hội cho nhiều ngân hàng trung ương trong khu vực nới lỏng chính sách để kích thích nhu cầu nội địa và tăng trưởng mà không gây ra dòng vốn chảy ra và sự giảm giá tỷ giá.

Tuy nhiên, vì tốc độ và thời gian của chu kỳ nới lỏng của Fed vẫn không chắc chắn, phản ứng chính sách phù hợp ở châu Á và Thái Bình Dương sẽ cần sự thận trọng và một sự cân bằng cẩn thận vì nhiều lý do.

Một lựa chọn cho các ngân hàng trung ương là cắt giảm lãi suất theo sau Fed. Điều này sẽ hỗ trợ tăng trưởng, nhưng cũng có thể làm tái sinh áp lực giá và khuyến khích vay nợ quá mức ở những nền kinh tế mà mức nợ của hộ gia đình và doanh nghiệp đã cao.

Mặt khác, các ngân hàng trung ương trong khu vực có thể tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ tương đối chặt chẽ—ví dụ, bằng cách cắt giảm lãi suất với độ trễ và/hoặc không cắt giảm tương xứng với Fed.

Trong trường hợp như vậy, lãi suất thấp hơn ở Mỹ có thể gia tăng dòng vốn vào châu Á và Thái Bình Dương, khi các nhà đầu tư điều chỉnh danh mục đầu tư của họ về các tài sản có lợi suất hấp dẫn hơn. Điều này có thể thúc đẩy thị trường cổ phiếu và trái phiếu trong khu vực, cung cấp một khoảng không gian cho các nền kinh tế dễ bị tổn thương hơn.

Tuy nhiên, dòng vốn chảy vào cũng có thể đặt ra một số thách thức, vì những biến động lớn trong đầu tư danh mục ngắn hạn có thể làm tăng sự biến động của thị trường tài chính.

Ngoài ra, việc tăng dòng vốn có thể dẫn đến sự tăng giá của tỷ giá so với đồng đô la Mỹ trong khu vực. Điều này sẽ có lợi cho những nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu dầu mỏ và hàng hóa khác, làm giảm áp lực giá và cải thiện cán cân thương mại. Đối với những nền kinh tế có nợ tính bằng đô la Mỹ cao, sự giảm giá của đồng đô la Mỹ sẽ giúp dễ dàng duy trì gánh nặng nợ.

Mặt khác, việc tăng giá tỷ giá sẽ thúc đẩy nhập khẩu, có thể gây ra các tác động tiêu cực đối với tài khoản hiện tại. Trong trung hạn, những đồng tiền mạnh hơn cũng có thể cản trở tăng trưởng xuất khẩu, đặc biệt đối với những nền kinh tế phụ thuộc vào xuất khẩu hàng hóa sản xuất truyền thống, như may mặc hoặc dệt may, mà chủ yếu dựa vào khả năng cạnh tranh về giá.

Sự đa dạng của các tác động và kênh tiềm năng này cho thấy rằng phản ứng chính sách đối với chu kỳ nới lỏng của Fed ở châu Á và Thái Bình Dương cần phải cụ thể cho từng quốc gia và tình vi, bao gồm sự kết hợp của các biện pháp sau đây.

Ngoài việc điều chỉnh lãi suất, các cơ quan tiền tệ trong khu vực có thể dựa vào các biện pháp có mục tiêu, chẳng hạn như yêu cầu dự trữ của các ngân hàng, để ảnh hưởng đến điều kiện tài chính và thanh khoản. Hướng dẫn trước cũng có thể là một công cụ hiệu quả để neo giữ kỳ vọng lạm phát và giảm bất ổn và biến động tài chính, bằng cách phác thảo rõ ràng con đường tương lai của chính sách tiền tệ cho các nhà tham gia thị trường và các tác nhân kinh tế.

Đối với những nền kinh tế nhận được dòng vốn chảy vào ngày càng tăng, thị trường tài chính phát triển tốt là chìa khóa để hấp thụ dòng vốn và biến chúng thành đầu tư sản xuất trong nền kinh tế nội địa. Hành động chính sách nên tập trung vào việc tăng cường cạnh tranh, hiệu quả và tính minh bạch trong lĩnh vực tài chính, với ngân hàng trung ương hoặc cơ quan giám sát độc lập khác cung cấp sự giám sát thích hợp.

Để đối phó với các rủi ro liên quan đến dòng vốn chảy vào tăng, có thể sử dụng các biện pháp quản lý dòng vốn và các chính sách vi mô thận trọng, bao gồm các biện pháp nhằm giảm thiểu rủi ro liên quan đến sự không đồng nhất về tiền tệ. Khi dòng vốn chảy vào dẫn đến sự tăng giá đồng tiền quá mức, can thiệp có mục tiêu vào thị trường ngoại hối có thể giúp giảm biến động, đồng thời tăng dự trữ ngoại hối.

Chính sách tài khóa có thể được sử dụng để giảm thiểu tác động của việc xuất khẩu giảm. Tùy thuộc vào không gian tài khóa, các biện pháp kích thích có thể được hướng đến nhiều mục tiêu khác nhau, bao gồm thúc đẩy chi tiêu tiêu dùng; khuyến khích hoạt động trong các lĩnh vực cụ thể có hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ đến phần còn lại của nền kinh tế; và các dự án cơ sở hạ tầng, tiết kiệm năng lượng, thích ứng với khí hậu, cũng như các dự án khác nhằm giải quyết các khoảng cách cấu trúc, điều này cũng sẽ nâng cao tiềm năng sản xuất của nền kinh tế.

Việc khởi đầu chu kỳ nới lỏng tiền tệ của Fed mang lại những thách thức và cơ hội cho châu Á và Thái Bình Dương. Lãi suất thấp hơn ở Mỹ và đồng đô la yếu hơn có thể làm giảm chi phí nhập khẩu, thúc đẩy thị trường tài chính và kích thích dòng vốn lớn hơn vào khu vực. Nhưng những diễn biến tích cực này không phải không có rủi ro, bao gồm khả năng biến động tỷ giá và áp lực lạm phát trở lại.

Các nhà hoạch định chính sách sẽ cần áp dụng một cách tiếp cận linh hoạt, giữ cho mình luôn cảnh giác và chủ động trong việc tận dụng các cơ hội cũng như đối phó với các rủi ro.

PHỤ LỤC 2.3

Khả năng chống chịu đô thị trong cuộc khủng hoảng khí hậu: Bài học và hiểu biết về một cuộc chuyển đổi công bằng từ khắp châu Á

Đối mặt với những thảm họa khí hậu ngày càng gia tăng, các thành phố không chỉ là những đóng góp chính vào lượng khí thải carbon mà còn là những tuyến đầu dễ bị tổn thương của cuộc khủng hoảng, đặc biệt là đối với các cộng đồng bị thiệt thòi. Laurence Newman khám phá những hiểu biết từ Diễn đàn Chuyển đổi Công bằng Châu Á, nhấn mạnh sự cần thiết cấp bách cho các thành phố phát triển các chiến lược chống chịu và đóng vai trò trung tâm trong giải pháp.

Các thành phố là trung tâm của cuộc khủng hoảng khí hậu. Chịu trách nhiệm về hơn 70% lượng khí thải carbon toàn cầu, các khu đô thị không chỉ là những tác nhân chính gây ra biến đổi khí hậu mà còn là những nơi dễ bị tổn thương nhất trước các tác động của nó. Các thảm họa thiên nhiên – từ lũ lụt đến bão táp – đang gây ra thiệt hại ngày càng tăng về con người, kinh tế và môi trường, ảnh hưởng không tương xứng đến các cộng đồng bị thiệt thòi, những người ít có khả năng tái xây dựng cuộc sống và bù đắp tổn thất.

Khi biến đổi khí hậu và đô thị hóa gia tăng, thách thức trở nên cấp bách hơn: Đến năm 2050, hai phần ba (68%) dân số toàn cầu sẽ sống trong các thành phố, với 90% cư dân đô thị mới nằm ở các quốc gia đang phát triển. Trong bối cảnh này, nhu cầu về các thành phố chống chịu với khí hậu trở nên vô cùng quan trọng.

Nhu cầu cấp bách về khả năng chống chịu đô thị

Để giải quyết vấn đề này, Quỹ Friedrich Ebert (FES) và Mạng lưới Hành động Khí hậu Đông Nam Á đã tổ chức Diễn đàn Chuyển đổi Công bằng Châu Á (JTFA). Diễn đàn đã tập hợp các học giả, tổ chức tư vấn và tổ chức phi lợi nhuận từ khắp khu vực để chia sẻ các sáng kiến đổi mới, học hỏi từ những thực tiễn tốt nhất và thảo luận về cách tạo ra các thành phố chống chịu với khí hậu, bao trùm và bền vững.

Thời điểm tổ chức diễn đàn không thể phù hợp hơn. Cùng tuần đó, những cơn bão nhiệt đới đã tàn phá một số vùng của châu Á—Hải Nam ở Trung Quốc, Philippines và miền Bắc Việt Nam—để lại sự tàn phá và di dời. Những sự kiện này đã nhấn mạnh nhu cầu cấp bách cho các thành phố phát triển các chiến lược chống chịu trước thiên tai. Trong khi những thiệt hại kinh tế thường được báo cáo, thì các tác động về con người và môi trường—đặc biệt là các tổn thất và thiệt hại không thuộc kinh tế—thường khó định lượng và giải quyết hơn.

Hiểu biết về tổn thất và thiệt hại đô thị

Một trong những thách thức chính trong việc giải quyết khả năng chống chịu đô thị là thiếu các phương pháp tiêu chuẩn để đo lường tổn thất và thiệt hại không thuộc kinh tế. Tại Philippines, chẳng hạn, Luật Biến đổi Khí hậu quốc gia công nhận tổn thất và thiệt hại sinh thái. Tuy nhiên, việc đo lường lại thuộc về các cơ quan địa phương, dẫn đến sự không nhất quán. Như Mae Valdez-Irong từ ICLEI đã chỉ ra trong JTFA, sự không nhất quán này có nghĩa là các tác động quan trọng—như hậu quả liên quan đến sức khỏe như gia tăng số ca sốt xuất huyết sau lũ lụt—thường không được tính đến.

Trong khi đó, sự vô hình của người lao động phi chính thức trong các nền kinh tế đô thị càng làm phức tạp thêm việc lập kế hoạch khả năng chống chịu. Những người lao động này, thiếu quyền lao động và bảo vệ xã hội, không được tính vào các số liệu thống kê thiệt hại và tổn thất chính thức, khiến họ bị loại trừ khỏi các chính sách chống chịu khí hậu quan trọng.

Tác động của cuộc khủng hoảng khí hậu đến giới tính

Sự bất bình đẳng giới làm sâu sắc thêm những thách thức của khả năng chống chịu đô thị. Tại Indonesia, Titi Sorentoro, Giám đốc Điều hành của Aksi! vì Công bằng Giới, Xã hội và Sinh thái, đã nêu bật cách mà sự hiểu biết kém về khoa học khí hậu và thiếu sự lồng ghép giới trong quản lý địa phương làm tăng sự dễ bị tổn thương của phụ nữ trước các thảm họa khí hậu. Phụ nữ, thường phải gánh vác trách nhiệm chăm sóc, thường bị loại trừ khỏi các quá trình ra quyết định và không được xem xét trong các chiến lược giảm thiểu đô thị.

Ví dụ, mặc dù luật Indonesia quy định rằng 30% đất đô thị phải được dành cho không gian xanh để chống lại biến đổi khí hậu, nhưng việc thực hiện chính sách này ở Jakarta đã dẫn đến sự di dời của phụ nữ nghèo. Thiếu dữ liệu phân tách theo giới và việc không bao gồm phụ nữ trong quy hoạch khiến các chính sách này vô tình gây hại cho chính các cộng đồng mà chúng được thiết kế để bảo vệ.

Vấn đề này không chỉ giới hạn ở Indonesia. Như nhà kinh tế khí hậu và giới tính Maja Bosnic đã lưu ý, phụ nữ chiếm 75% số người bị di dời sau trận động đất Sulawesi năm 2018 và 80% số người bị di dời sau trận động đất Gorkha năm 2015 ở Nepal. Những con số này làm nổi bật tác động không công bằng của các thảm họa khí hậu đến phụ nữ, những người thường thiếu quyền tiếp cận vào các nguồn lực như đất đai, tín dụng và giáo dục giúp họ phục hồi và thích nghi.

Giải pháp bền vững và bao trùm cho khả năng chống chịu đô thị

Để xây dựng các thành phố bền vững và chống chịu với khí hậu, các chiến lược khả năng chống chịu đô thị phải bao trùm, nhạy cảm với giới và được hỗ trợ bởi các chính sách hiệu quả. Như Mae Valdez-Irong đề xuất, tăng cường năng lực cho các cơ quan địa phương trong việc đo lường tổn thất và thiệt hại không thuộc kinh tế là một bước quan trọng. Ghi lại tác động đến các cộng đồng dễ bị tổn thương, bao gồm cả công nhân phi chính thức và phụ nữ, cũng sẽ đảm bảo rằng nhu cầu của họ được tích hợp vào quy hoạch đô thị, các chính sách và ngân sách.

Maja Bosnic cũng nhấn mạnh cần lồng ghép các chỉ số giới tính trong các chính sách khả năng chống chịu đô thị và tài trợ cho các tổ chức cộng đồng do phụ nữ lãnh đạo. Điều này có thể trao quyền cho phụ nữ để thách thức các chuẩn mực giới hạn ảnh hưởng của họ trong ra quyết định tại địa phương và tăng cường khả năng thương lượng của họ trong các nỗ lực chống chịu khí hậu.

Giải pháp dựa trên thiên nhiên và quy hoạch đô thị

Quy hoạch sử dụng đất kém vẫn là một vấn đề lớn ở nhiều khu vực đang đô thị hóa nhanh chóng. Sarah Remmei, một chuyên gia khí hậu đô thị, đã nêu bật cách phát triển quá mức ở các thành phố dễ bị ngập như Dibrugarh ở Ấn Độ làm tăng tác động của các thảm họa tự nhiên như mùa mưa. Tăng trưởng đô thị không bền vững, kết hợp với sự thiếu quy hoạch, dẫn đến lũ lụt xảy ra thường xuyên và nghiêm trọng hơn.

Giải pháp dựa trên thiên nhiên cung cấp một sự thay thế hứa hẹn. Remmei đã chỉ ra cách mà rừng đô thị, hồ chứa nước và phục hồi đất ngập nước đã giúp giảm lũ lụt ở các thành phố như Dibrugarh. Tương tự, tại Đông Hà, Việt Nam, việc thiết kế lại hệ thống thoát nước đô thị bằng cách sử dụng hành lang xanh và hồ chứa nước mưa đã cải thiện khả năng chống chịu với lũ lụt.

Các thành phố phải là một phần của giải pháp

Châu Á là nơi có một số quốc gia dễ bị tổn thương nhất trước khí hậu trên thế giới, và các thành phố đông dân của nó đang ở tuyến đầu của cuộc khủng hoảng này. Mặc dù các thành phố đóng vai trò là những đóng góp lớn vào lượng khí thải carbon, nhưng chúng cũng phải là những người chơi chính trong các giải pháp khí hậu. Tuy nhiên, các lãnh đạo địa phương cần sự hỗ trợ từ quốc gia và quốc tế để xây dựng khả năng chống chịu. Quỹ tổn thất và thiệt hại được thống nhất tại COP 28 là một bước tiến, nhưng 700 triệu USD đã cam kết cho đến nay là chưa đủ so với 2,4 nghìn tỷ USD đầu tư hàng năm mà các nước đang phát triển cần đến năm 2030.

Như đã thảo luận tại JTFA, các thành phố phải có quyền tiếp cận cả vốn công và tư—thông qua các khoản trợ cấp, ngân hàng phát triển và tài chính khí hậu—để tài trợ cho các nỗ lực tăng cường khả năng chống chịu của mình. Nếu không có sự hỗ trợ này, các cộng đồng đô thị dễ bị tổn thương nhất sẽ tiếp tục gánh chịu hậu quả nặng nề từ cuộc khủng hoảng khí hậu.

Tiến về phía trước: Khởi dậy tranh luận và thúc đẩy hành động

JTFA đánh dấu sự khởi đầu của một cuộc trò chuyện quan trọng về khả năng chống chịu đô thị. Những hiểu biết được chia sẻ bởi các diễn giả từ khắp nơi ở Châu Á nhấn mạnh sự cần thiết cho các phương pháp quy hoạch đô thị bao trùm, nhạy cảm với giới và bền vững. Khi cuộc khủng hoảng khí hậu trở nên tồi tệ hơn, việc các bên địa phương, quốc gia và quốc tế tham gia vào các giải pháp ưu tiên nhu cầu của những người dễ bị tổn thương nhất là rất quan trọng. Cuộc thảo luận bây giờ cần phải chuyển thành hành động—các thành phố và cộng đồng phải được trao quyền để xây dựng một tương lai chống chịu tốt hơn.

PHỤ LỤC 3.1 Báo cáo của KPMG: Triển vọng CEO ngành ngân hàng 2024

Lời Mở Đầu

Triển vọng CEO 2024 của chúng tôi cho các lĩnh vực ngân hàng và thị trường vốn cung cấp cái nhìn thú vị về môi trường hoạt động hiện tại đang "chuyển mình" và những thách thức cũng như cơ hội liên tục mà các nhà lãnh đạo này phải đối mặt.

Mặc dù có vẻ như có những điều kiện thuận lợi và ổn định hơn, so với sự bất ổn trong cuộc khủng hoảng thanh khoản ngân hàng ở Mỹ vào mùa xuân năm 2023 - và có những dấu hiệu rõ ràng cho thấy chính sách tiền tệ đang kiểm chế lạm phát, nhưng các lãnh đạo cấp cao vẫn giữ thái độ lạc quan cẩn trọng về triển vọng tăng trưởng cho ngành và tổ chức của họ.

Mặc dù lãi suất cao hơn thường đã làm tăng khả năng sinh lời trong những tháng gần đây, nhưng các ngân hàng hiện đang phải đối mặt với chi phí gia tăng để thu hút tài năng và công nghệ thiết yếu, xử lý các khách hàng gặp khó khăn về tài chính, và quản lý sự biến động ảnh hưởng đến các hoạt động của thị trường vốn.

Khi các nhà lãnh đạo này nỗ lực cân bằng các yêu cầu từ cổ đông, khách hàng, nhân viên, các cơ quan quản lý và cộng đồng, họ phải đầu tư một cách cẩn trọng cho tương lai, đặc biệt là trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo sáng tạo (Gen AI), trong khi vẫn quản lý một loạt các rủi ro không ngừng và mới nổi.

120 người tham gia khảo sát của chúng tôi — đại diện cho một mẫu đa dạng các tổ chức tài chính trên năm châu lục — đã chia sẻ ưu tiên của họ về kế hoạch tăng trưởng kinh doanh, thúc đẩy đổi mới, quản lý lực lượng lao động đang tiến hóa, và tiếp tục hỗ trợ các yêu cầu cấp bách về môi trường, xã hội và quản trị (ESG).

Tôi mời bạn khám phá những quan điểm này trong các trang tiếp theo. Tổ chức toàn cầu của chúng tôi gồm các chuyên gia từ các công ty thành viên KPMG luôn sẵn sàng thảo luận về những xu hướng này, cùng với các chủ đề cụ thể mà bạn quan tâm, để giúp hướng dẫn tổ chức của bạn trên con đường đạt được thành công bền vững.

Tóm Tắt Điều Hành

Báo cáo Triển vọng CEO Ngân hàng KPMG 2024 năm nay xem xét cách mà các nhà lãnh đạo doanh nghiệp trong ngành ngân hàng đang đối mặt với những thách thức đa dạng và không ngừng. Đặc biệt, các CEO ngân hàng thể hiện sự tự tin lớn vào tiềm năng tăng trưởng của tổ chức họ. Để hỗ trợ sự tăng trưởng này, họ dự định tiếp tục đầu tư vào chuyển đổi doanh nghiệp thông qua công nghệ, trong đó trí tuệ nhân tạo sáng tạo (Gen AI) đang trở thành ưu tiên đầu tư hàng đầu cho 81% CEO ngân hàng.

Cùng lúc đó, các CEO ngân hàng cảm thấy áp lực trong bối cảnh địa chính trị và kinh tế vĩ mô hiện nay rất không chắc chắn. Vì vậy, họ đang tiến hành một cách thận trọng, một phần bằng cách kiểm soát chi phí.

Trong số các nhà lãnh đạo này, nhân tài là một mối quan tâm chính khi họ cố gắng thu hút và giữ chân những chuyên gia có kỹ năng phù hợp để hỗ trợ chuyển đổi doanh nghiệp dựa trên công nghệ. Họ cũng thể hiện sự ưa thích mạnh mẽ đối với việc nhân viên trở lại văn phòng và có kế hoạch thưởng cho những người làm như vậy.

Ngoài ra, họ tiếp tục xem ESG là một động lực quan trọng cho sự tăng trưởng, điều này sẽ tiếp tục định hình hành vi và đầu tư của các ngân hàng.

Báo cáo này xem xét cách mà các CEO ngân hàng dự định điều hướng môi trường năng động này, điều chỉnh chiến lược kinh doanh của họ và thúc đẩy thành công trong ba năm tới giữa những điểm áp lực chính.

Những Phát Hiện Chính

Các CEO ngân hàng chia sẻ những quan điểm mạnh mẽ về môi trường hoạt động và ưu tiên kinh doanh của họ, cách tiếp cận ưu tiên của họ đối với ESG và các vấn đề quản lý nhân tài, cũng như những lợi ích mà họ kỳ vọng từ các khoản đầu tư vào AI.

Kinh tế và địa chính trị

- Các CEO tự tin vào triển vọng tăng trưởng của nền kinh tế toàn cầu (68%) và ngành ngân hàng cũng như thị trường vốn (66%).
- Những yếu tố hàng đầu có khả năng ảnh hưởng tiêu cực đến sự tăng trưởng tổ chức trong ba năm tới.

ESG

- 58% dự đoán sẽ nhận được tỷ lệ hoàn vốn đáng kể từ các khoản đầu tư vào ESG trong vòng ba đến năm năm.
- 68% cho biết họ đã giữ nguyên các chiến lược liên quan đến khí hậu trong 12 tháng qua nhưng đã điều chỉnh cách giao tiếp để đáp ứng nhu cầu thay đổi của các bên liên quan.

Công nghệ và trí tuệ nhân tạo

- 81% cho biết Gen AI là ưu tiên hàng đầu trong đầu tư mặc dù có sự bất ổn kinh tế đang diễn ra.

Triển khai AI: Lợi ích hàng đầu.

1. Phát hiện gian lận và phản ứng tấn công mạng
2. Phân tích dữ liệu nhanh hơn
3. Tăng hiệu quả và năng suất

Tài năng

- 92% có khả năng thưởng cho những nhân viên nỗ lực đến văn phòng
- 37% tin rằng kiến thức chuyển giao giữa nhân viên là yếu tố cái đó sẽ có số lượng lớn nhất ảnh hưởng tới công ty

PHỤ LỤC 3.2

Báo cáo của World Bank: Việc làm và tăng trưởng: Cập nhật tình hình kinh tế khu vực Đông Á và Thái Bình Dương, tháng 10/2024

Tổng quát

Các phát triển gần đây

Kinh tế của các nước đang phát triển ở Đông Á và Thái Bình Dương (EAP) tiếp tục vượt trội hơn so với các nền kinh tế khác trên thế giới. Tăng trưởng khu vực được dự báo đạt 4,8% trong năm 2024, so với mức tăng trưởng trung bình 3,3% ở các nước EMDE khác và 1,5% ở các nền kinh tế phát triển. Ở các quốc gia EAP, tiêu dùng tư nhân và xuất khẩu dịch vụ đã giúp duy trì tăng trưởng, nhưng đầu tư tư nhân và xuất khẩu hàng hóa vẫn yếu.

Tăng trưởng EAP dự kiến sẽ chậm lại còn 4,4% vào năm 2025. Điều này chủ yếu là do tăng trưởng ở Trung Quốc, nền kinh tế lớn nhất khu vực, dự kiến giảm từ 4,8% trong năm nay xuống 4,3% vào năm 2025. Tăng trưởng của Trung Quốc trong năm 2024 được hỗ trợ bởi sự phục hồi của tiêu dùng dịch vụ và xuất khẩu trong phần đầu của năm. Tuy nhiên, tăng trưởng dự kiến sẽ chậm lại vào năm 2025 do sự yếu kém bền vững của thị trường bất động sản, sự thiếu tự tin của người tiêu dùng và nhà đầu tư, cũng như những thách thức do lão hóa và căng thẳng toàn cầu. Sự hỗ trợ tài khóa được thông báo gần đây có thể nâng cao tăng trưởng ngắn hạn, nhưng tăng trưởng dài hạn sẽ phụ thuộc vào các cải cách cấu trúc sâu hơn.

Phần còn lại của khu vực EAP được dự báo sẽ tăng trưởng 4,7% trong năm 2024 và 4,9% trong năm 2025. Tăng trưởng trong năm 2024 được hưởng lợi từ việc tiêu dùng trong nước tăng, xuất khẩu hàng hóa phục hồi và sự phục hồi của ngành du lịch. Tăng trưởng trong năm 2025 dự kiến sẽ được duy trì nhờ vào việc phục hồi xuất khẩu tiếp tục và điều kiện tài chính thuận lợi hơn. Các quốc gia Thái Bình Dương được dự báo sẽ tăng trưởng 3,5% trong năm 2024 và 3,4% trong năm 2025.

Hiệu suất kinh tế trên toàn khu vực cũng đang bị ảnh hưởng bởi sự không chắc chắn về địa chính trị, vĩ mô và chính sách. Các rủi ro địa chính trị đã gia tăng do xung đột ở Trung Đông và được phản ánh qua việc tăng chi phí vận chuyển và sự biến động cao hơn trong giá hàng hóa. Một chỉ số về giá vận chuyển toàn cầu đã tăng gần 40% kể từ khi bắt đầu xung đột ở Trung Đông vào tháng 10 năm 2023. Sự không chắc chắn về chính sách kinh tế gia tăng ở nước ngoài—chẳng hạn như sự không chắc chắn về chính sách tài khóa hoặc thương mại ở Mỹ—có thể làm giảm sản xuất công nghiệp và giá cổ phiếu ở EAP tới 0,5% và 1%, tương ứng. Sự gia tăng chính sách trong nước dự kiến sẽ có những tác động tương tự lên thị trường chứng khoán và sản xuất của EAP.

Trong dài hạn, khu vực có thể chứng kiến những chuyển biến về động lực tương đối, cũng như những thay đổi cơ bản trong thương mại và công nghệ.

- Trung Quốc đã dẫn dắt sự tăng trưởng trong khu vực suốt hơn ba thập kỷ, nhưng tăng trưởng tương đối của nước này có khả năng sẽ chậm lại trong tương lai.
- Căng thẳng toàn cầu đang thay đổi các mô hình thương mại và đầu tư, điều này ảnh hưởng đến sinh mệnh của các nền kinh tế khu vực, với cơ hội cho một số quốc gia hoạt động như các trung tâm bị hạn chế bởi các mục tiêu khác nhau của các đối tác thương mại lớn.
- Sự thay đổi công nghệ, dưới hình thức robot, trí tuệ nhân tạo, nền tảng số và quá trình số hóa rộng rãi hơn, đang ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa sự mở rộng kinh tế và việc làm, điều này đã là trung tâm trong mô hình tăng trưởng bao trùm của khu vực.

Thay đổi động lực tăng trưởng khu vực

Triển vọng giảm bớt lợi ích lan tỏa từ sự tăng trưởng của Trung Quốc gia tăng nhu cầu đối với các quốc gia EAP tìm kiếm nguồn tăng trưởng tự chủ, đặc biệt thông qua cải cách nội bộ sâu rộng hơn. Phân tích thực nghiệm mới cho thấy, trong quá khứ, sự tăng trưởng ở các nền kinh tế EAP khác thường hưởng lợi nhiều hơn từ nhu cầu ngày càng tăng của Trung Quốc về nhập khẩu so với việc bị ảnh hưởng bởi sự cạnh tranh ngày càng tăng của Trung Quốc trên các thị trường xuất khẩu. Sự tăng trưởng của Trung Quốc được ước tính đã thúc đẩy sự tăng trưởng của các nước đang phát triển khoảng 1 điểm phần trăm hàng năm trong giai đoạn 1995-2019, và 0,67 điểm phần trăm hàng năm trong giai đoạn 2020-2023 khi sự tăng trưởng của Trung Quốc chậm lại.

Có hai mối lo ngại. Đầu tiên, nếu sự tăng trưởng của Trung Quốc tiếp tục chậm lại (chẳng hạn, xuống còn 4,3% dự kiến vào năm 2025), thì lợi ích cho các nước đang phát triển sẽ giảm. Một sự chậm lại 1 điểm phần trăm trong tăng trưởng của Trung Quốc có thể làm giảm tăng trưởng ở các nước đang phát triển khác từ ước tính 0,14 đến 0,21 điểm phần trăm. Thứ

hai, nếu xuất khẩu của Trung Quốc tăng trưởng nhanh hơn nhập khẩu của nước này, như đã tiếp tục diễn ra (trong bảy tháng đầu năm nay, xuất khẩu hàng hóa tăng 4% so với năm trước, trong khi nhập khẩu chỉ tăng 2,8%), thì tác động tiêu cực từ sự cạnh tranh gia tăng trên thị trường quốc tế có thể vượt trội hơn so với tác động tích cực từ nhu cầu lớn hơn.

Thương mại, đầu tư và căng thẳng toàn cầu

Những năm gần đây đã chứng kiến sự gia tăng của cả chủ nghĩa bảo hộ thương mại và các hành động chính sách công nghiệp (IP) có khả năng gây méo mó thương mại ở nhiều quốc gia. Số lượng các biện pháp như vậy được áp dụng trên toàn cầu và bởi các nền kinh tế EAP đang phát triển đã tăng lên.

Các quốc gia như Việt Nam đã hưởng lợi từ việc "kết nối" với các đối tác thương mại lớn khi căng thẳng toàn cầu gia tăng, nhưng khả năng đóng vai trò này có thể đang thu hẹp lại. Các công ty Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ đã chứng kiến doanh số tăng nhanh hơn gần 25% so với các công ty xuất khẩu sang các điểm đến khác trong giai đoạn 2018–2021. Tuy nhiên, các nền kinh tế hiện có thể bị giới hạn trong việc đóng vai trò "kết nối một chiều". Trong khi các quốc gia có thể tận dụng nhập khẩu và đầu tư từ Trung Quốc để tăng cường xuất khẩu sang Mỹ, thì đầu tư từ Mỹ lại không thúc đẩy xuất khẩu sang Trung Quốc. Hơn nữa, việc áp dụng các quy tắc xuất xứ nghiêm ngặt hơn có thể hạn chế ngay cả vai trò kết nối một chiều. Trong bối cảnh này, việc ký kết các thỏa thuận thương mại sâu với các đối tác thương mại lớn có thể đóng vai trò như một lá chắn chống lại các tác động tiêu cực từ các chính sách thương mại và công nghiệp hạn chế của họ.

Thị trường lao động và công nghệ số

Chúng tôi đầu tiên nhấn mạnh một số khía cạnh của thị trường lao động khu vực Đông Á và Thái Bình Dương (EAP):

- Tăng trưởng kinh tế tổng thể đã mang lại lợi ích cho người lao động, với mức lương tăng nhanh hơn năng suất lao động. Mức lương đã tăng cho hầu hết các loại hình lao động. Khoảng cách lương giới tính đang thu hẹp, nhưng phụ nữ vẫn kiếm được ít hơn từ 10 đến 15% so với nam giới; những người có trình độ học vấn cao hơn kiếm được nhiều hơn đáng kể so với những người ít học hơn, nhưng mức chênh lệch lương đối với trình độ cao đang thu hẹp; và những người làm việc trong các ngành kỹ thuật và dịch vụ công nghệ thông tin có mức lương tương đối cao hơn đã chứng kiến mức tăng trưởng lương tương đối cao.
- Các quốc gia EAP có tỷ lệ việc làm cao so với phần còn lại của thế giới, nhưng dân số trong độ tuổi lao động đang giảm ở Mông Cổ, Trung Quốc, Thái Lan và Việt Nam, chủ yếu do dân số già. Tỷ lệ thất nghiệp ở thanh niên cao hơn ở Trung Quốc, Indonesia, Malaysia và Mông Cổ so với các nền kinh tế khác trong khu vực; mặc dù người lao động lớn tuổi có tỷ lệ thất nghiệp thấp hơn so với người trẻ tuổi, nhưng ít người tham gia vào lực lượng lao động.
- Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của phụ nữ cao hơn so với các khu vực đang phát triển khác, nhưng vẫn thấp hơn so với nam giới trên toàn khu vực. Tỷ lệ này đã cải thiện rất ít, ngoại trừ ở Malaysia, Philippines và Indonesia.
- Lực lượng lao động ngày càng có trình độ học vấn cao hơn so với hai thập kỷ trước, nhưng chất lượng giáo dục cơ bản không đồng đều, và tỷ lệ người lao động có trình độ đại học trở lên vẫn dưới một phần ba lực lượng lao động.
- Sau một thời kỳ công nghiệp hóa nhanh chóng, việc làm đã chuyển chủ yếu từ nông nghiệp năng suất thấp sang dịch vụ năng suất thấp, và ít hơn cho sản xuất và dịch vụ năng suất cao. Việc làm không chính thức đã giảm tổng thể nhưng tăng trong dịch vụ năng suất thấp, và vẫn cao hơn so với các khu vực có thu nhập trung bình khác – nó chiếm hơn một nửa số việc làm ở các đảo Thái Bình Dương.

Công nghệ mới đang ảnh hưởng đến thị trường lao động trong khu vực

Sự tiến bộ công nghệ đang mở rộng phạm vi các nhiệm vụ mà máy móc có thể thực hiện. Robot đã bắt đầu thay thế công nhân công nghiệp trong các công việc thủ công định kỳ. Trí tuệ nhân tạo (AI) đe dọa sẽ thay thế chủ yếu là công nhân trong lĩnh vực dịch vụ, không chỉ trong các nhiệm vụ định kỳ mà ngày càng nhiều trong các công việc tư duy không định kỳ. Các robot được trang bị AI cũng có khả năng tiếp quản các nhiệm vụ của công nhân trong các công việc thủ công không định kỳ cả trong sản xuất và dịch vụ. Tuy nhiên, việc áp dụng công nghệ mới không chỉ phụ thuộc vào tính khả thi kỹ thuật mà còn vào tính khả thi kinh tế, điều này phụ thuộc vào chi phí điều chỉnh theo chất lượng, chi phí lao động địa phương và khả năng phản ứng của cầu đối với thay đổi giá.

Việc áp dụng công nghệ mới đang nâng cao năng suất của các công ty và thay đổi cơ hội việc làm. Vì năng suất tăng lên dẫn đến quy mô sản xuất và tăng trưởng tăng lên, nên sự tiến bộ công nghệ thường hỗ trợ gia tăng việc làm và lương bổng. Nhưng nếu sự tiến bộ công nghệ mang tính tiết kiệm lao động, thì nó có thể làm giảm tăng trưởng việc làm và lương. Và vì tác động của công nghệ không đồng nhất giữa các nhóm tuổi, giới tính, kỹ năng và tình trạng lao động, công nghệ có thể làm trầm trọng thêm hoặc giảm thiểu sự bất bình đẳng trên thị trường lao động EAP.

- Việc làm ở hầu hết các quốc gia EAP có khả năng bị ảnh hưởng bởi cả robot và trí tuệ nhân tạo (AI), nhưng theo những cách khác nhau so với các nền kinh tế phát triển. Các quốc gia EAP sử dụng nhiều lao động trong các công việc thủ công định kỳ và ít lao động hơn trong các công việc tư duy so với các quốc gia phát triển. Cấu trúc nghề nghiệp này phản ánh sự công nghiệp hóa thành công ở các quốc gia như Trung Quốc, Malaysia, Thái Lan và Việt Nam, cũng như trạng thái tương đối yếu kém của các lĩnh vực dịch vụ trong khu vực. Do đó, các quốc gia EAP, như nhiều nền kinh tế mới nổi và đang phát triển khác, hiện nay dễ bị tổn thương hơn so với các quốc gia phát triển trước việc thay thế lao động bởi robot công nghiệp và ít hơn đối với việc thay thế bởi AI. Tuy nhiên, tỷ lệ dân số ở EAP có khả năng tiếp xúc với AI thực tế lớn hơn tỷ lệ tiếp xúc với robot. Malaysia và Trung Quốc nổi bật là

những quốc gia có tỷ lệ người lao động trong các công việc tư duy không định kỳ cao, những người có thể được hưởng lợi từ sự bổ sung với AI.

- Việc áp dụng robot nhanh chóng, đặc biệt trong các ngành công nghiệp chế tạo có giá trị gia tăng cao và định hướng thương mại như máy tính & điện tử và ô tô, có liên quan đến sự gia tăng việc làm và thu nhập lao động - ở Việt Nam khoảng 10% và 5%, tương ứng. Ở Việt Nam, những người lao động có trình độ trung bình và cao được hưởng lợi, nhưng những người lao động có trình độ thấp, đặc biệt là những người tham gia vào các công việc định kỳ, phải chịu sự giảm việc làm và có khả năng bị thu hút vào khu vực không chính thức. Giữa năm 2018 và 2022, robot đã thay thế khoảng 1,4 triệu lao động chính thức có trình độ thấp tham gia vào công việc thủ công định kỳ ở Indonesia, Malaysia, Philippines, Thái Lan và Việt Nam, chiếm 3,3% tổng số lao động. Trong khi đó, những lợi ích về năng suất từ tự động hóa và quy mô sản xuất cao hơn đã giúp tạo ra khoảng 2 triệu việc làm (4,3% tổng số lao động có trình độ chính thức) cho những lao động có trình độ tham gia vào các công việc thủ công và tư duy không định kỳ.
- Trên khắp các quốc gia và theo thời gian, các quốc gia già hóa đã áp dụng robot nhanh hơn trong ngành sản xuất, và sự già hóa dân số một mình chiếm 35% sự biến động trong việc áp dụng robot giữa các quốc gia từ năm 1993 đến 2014. Đồng thời, lao động lớn tuổi ở các quốc gia EAP có nguy cơ tiếp xúc với tự động hóa cao hơn so với lao động trẻ tuổi, ít tham gia vào các công việc kỹ thuật số và ít có khả năng được hưởng lợi từ số hóa. Những phát hiện này gợi ý rằng việc áp dụng robot và số hóa trong khu vực có thể giúp giải quyết vấn đề giảm lực lượng lao động ở các quốc gia già hóa, nhưng cũng có thể làm trầm trọng thêm vấn đề này bằng cách tăng tốc độ rời khỏi lực lượng lao động của những lao động lớn tuổi.
- Tác động của việc triển khai AI hiện chưa thể ước lượng, nhưng các bằng chứng mới nổi cho thấy AI có cả hiệu ứng thay thế và tăng cường ở các ngành nghề khác nhau. Hiệu ứng thay thế đang bắt đầu được cảm nhận ở những công việc chủ yếu liên quan đến các nhiệm vụ nhận thức theo khuôn mẫu, bao gồm tối ưu hóa tiêu chuẩn và ít tương tác xã hội (như các chuyên gia đánh giá rủi ro), và từ từ hơn ở các công việc liên quan đến các nhiệm vụ nhận thức không theo khuôn mẫu (như dịch thuật). Hiệu ứng tăng cường đang được cảm nhận ở những công việc mà một tập hợp đáng kể các nhiệm vụ liên quan đến tương tác xã hội, sáng tạo hoặc chiến lược vẫn chỉ có thể được thực hiện bởi con người, nhưng một tập hợp khác có thể được giao cho AI (như giáo viên, phân tích viên tài chính). Các công việc liên quan đến các nhiệm vụ bổ sung cho AI chỉ chiếm khoảng 10% ở khu vực EAP, điều này tương đương với các nền kinh tế mới nổi khác nhưng thấp hơn nhiều so với 30% ở các nền kinh tế phát triển.
- Làm việc với các công nghệ kỹ thuật số nói chung cũng có vẻ như mang lại lợi ích tăng cường cho người lao động, liên quan đến việc tăng cao và liên tục mức lương bổ sung. Ví dụ, ở Malaysia, Philippines và Thái Lan, mức tăng tương ứng là 25%, 21% và 17%, phù hợp với 1 độ lệch chuẩn của cường độ số hóa trong các ngành nghề. Lợi ích này cũng có xu hướng lớn hơn đối với phụ nữ ở hầu hết các quốc gia EAP, với mức tăng trong một số trường hợp gấp đôi mức tăng của nam giới (ở Việt Nam và Indonesia).
- Các công nghệ mới đã khuyến khích sự xuất hiện của các mô hình kinh doanh mới, như nền tảng kỹ thuật số. Nói chung, các nền tảng nâng cao hiệu quả của hoạt động trung gian và do đó cũng có thể ảnh hưởng đến số lượng và bản chất của việc làm. Thứ nhất, các nền tảng hoạt động trên quy mô lớn và do đó có thể đẩy nhanh quá trình tự động hóa và áp dụng AI, từ đó ảnh hưởng đến việc làm. Quy mô của nền tảng kỹ thuật số đã đạt 5–7% GDP ở hầu hết các nước EAP vào năm 2023. Sự phát triển của các nền tảng kỹ thuật số đã làm tăng năng suất của doanh nghiệp trong các ngành phụ thuộc, ví dụ như ở Philippines và Việt Nam. Thứ hai, các nền tảng tạo điều kiện cho sự tham gia của lực lượng lao động, khớp nối công việc và sự xuất hiện của các công việc mới, nhưng trong một số trường hợp bằng cách chuyển đổi công việc từ chính thức sang không chính thức.
- Các nền tảng số đang biến một số công nhân trong khu vực chính thức thành công nhân không chính thức, nhưng đồng thời khuyến khích sự tham gia có lợi của những người bị marginal hóa vào lực lượng lao động. Chẳng hạn, các công nhân số trong khu vực không chính thức ở Indonesia kiếm được gần bằng mức thu nhập của những công nhân không phải số trong khu vực chính thức, cho thấy việc số hóa có thể thu hẹp khoảng cách giữa hai khu vực này. Việc triển khai các ứng dụng gọi xe ở Việt Nam không mang lại lợi ích bền vững cho các tài xế taxi trước đây thuộc khu vực chính thức, nhưng đã dẫn đến mức thu nhập tăng 20% cho các tài xế xe máy vốn đã làm việc trong khu vực không chính thức.

Cuối cùng, chính sách cần phải cố gắng biến đổi công nghệ thành một điều tốt đẹp chứ không phải là một lời nguyền cho tất cả mọi người. Mặc dù sự phát triển của công nghệ khó có thể dự đoán trước, khu vực này cần trang bị cho tất cả người dân những kỹ năng kỹ thuật, kỹ năng số và kỹ năng mềm sâu hơn để phù hợp với các công nghệ mới; tạo điều kiện cho sự di chuyển vốn và sự di chuyển lao động giữa các lĩnh vực, nghề nghiệp và không gian; loại bỏ các biến dạng giá cả yếu tố có thể dẫn đến việc áp dụng các công nghệ không phù hợp; và khuyến khích bảo hiểm xã hội cho công nhân trong nền kinh tế số không chính thức mới.

Trang bị cho lực lượng lao động những kỹ năng cần thiết

- Kỹ năng số sẽ giúp mọi người tham gia vào một môi trường làm việc ngày càng số hóa, sử dụng các thiết bị số, ứng dụng và nền tảng số. Tại Nhật Bản, Singapore và Hàn Quốc, giáo viên nhận được sự phát triển nghề nghiệp

liên tục để nâng cao năng lực sự phạm số của họ, đồng thời có sự nhấn mạnh vào kỹ năng số trong chương trình giảng dạy, việc sử dụng sách giáo khoa số, nền tảng học tập trực tuyến và các lớp học lập trình.

- Kỹ năng xã hội và cảm xúc sẽ mang lại cho mọi người lợi thế so với máy móc trong các nhiệm vụ liên quan đến tương tác xã hội, từ giáo dục đến chăm sóc sức khỏe. Nghiên cứu hỗ trợ ý tưởng rằng kỹ năng xã hội và cảm xúc có thể phát triển và dạy dỗ thông qua các can thiệp trong trường học. Tại Indonesia, một can thiệp quy mô lớn nhằm phát triển Tư duy Tăng trưởng - niềm tin rằng trí tuệ và các phẩm chất xã hội-cảm xúc khác không phải là cố định mà phát triển nhờ nỗ lực - thông qua các bài học có cấu trúc đã có những tác động tích cực đến thái độ và điểm số kiểm tra.
- Kỹ năng kỹ thuật cao sẽ giúp mọi người làm việc trong việc tạo ra và sử dụng các công nghệ mới này. Nguồn cung cấp những kỹ năng này tương đối khan hiếm ở các nước đang phát triển trong khu vực EAP. Tại Hàn Quốc, các trường trung học Meister giải quyết các nhu cầu kỹ năng kỹ thuật quan trọng trong các lĩnh vực ưu tiên, bao gồm công nghệ thông tin và truyền thông (ICT), sản xuất vi mạch và công nghệ sinh học, và cung cấp chương trình đào tạo nghề tùy chỉnh được phát triển phối hợp với các công ty như Samsung Electronics và Hyundai Motor Company.

Tạo điều kiện cho sự di chuyển của lao động và vốn

- Sự di chuyển của lao động bị cản trở bởi cả những thất bại của thị trường và những sai lệch chính sách. Những vấn đề này bao gồm thông tin kém về cơ hội việc làm, thị trường đất đai và nhà ở chưa phát triển, và kết nối không đầy đủ; trong khi những sai lệch chính sách bao gồm các thể chế thị trường lao động cứng nhắc và khả năng chuyển nhượng quyền lợi không đầy đủ. Ví dụ, tại Trung Quốc và Việt Nam, hệ thống đăng ký hộ khẩu quy định quyền truy cập vào nhà ở và dịch vụ xã hội công cộng đã hạn chế di cư từ nông thôn ra thành phố, khiến nhiều nông dân bị mắc kẹt trong các công việc nông nghiệp năng suất thấp. Tại Indonesia, việc giảm rào cản di chuyển nội bộ có thể dẫn đến tăng năng suất và thu nhập lao động khoảng 20%. Các nền tảng trung gian việc làm kỹ thuật số tư nhân như bảng tin việc làm trực tuyến và các thị trường tự do có thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc ghép nối và di chuyển. Tất nhiên, sự di chuyển của lao động cũng cần vốn phải di động. Do đó, các rào cản đối với di chuyển vốn, chẳng hạn như các hạn chế đối với việc gia nhập và rời khỏi thị trường của doanh nghiệp dưới hình thức yêu cầu cấp phép phức tạp và quy trình phá sản, cũng cần được giải quyết.

Loại bỏ sự sai lệch về giá yếu tố

- Ở nhiều nền kinh tế phát triển và đang phát triển, số lượng robot công nghiệp (trên mỗi nghìn lao động) có mối liên hệ tiêu cực với việc đánh thuế tương đối đối với vốn và lao động. Các bằng chứng thực nghiệm từ Mỹ và các nền kinh tế phát triển khác cho thấy các miễn trừ và trợ cấp (ví dụ cho khấu hao) dẫn đến mức thuế hiệu quả cao hơn đối với lao động so với vốn liên quan đến công nghệ tự động hóa, do đó dẫn đến việc "tự động hóa quá mức" và việc làm giảm không tối ưu. Việc loại bỏ những sai lệch này sẽ giúp việc áp dụng công nghệ tự động hóa gần hơn với những gì là tối ưu về mặt xã hội và nâng cao mức độ việc làm.

Mở rộng bảo hiểm xã hội cho người lao động trong nền kinh tế phi chính thức kỹ thuật số mới

- Người lao động tự do ở Malaysia sẵn sàng chấp nhận một mức giảm nhẹ trong thu nhập của họ để đổi lấy việc đóng góp thường xuyên vào các chương trình bảo hiểm xã hội như bảo hiểm thất nghiệp và lương hưu. Một loạt các chương trình trên toàn thế giới, từ các chương trình công (tại Ấn Độ và Colombia), hợp tác công tư (tại Malaysia), và các sáng kiến hoàn toàn tư nhân (tại Đan Mạch), đã thành công trong việc sử dụng các cách tiếp cận để thông tin cho người lao động về sự tồn tại và lợi ích của các chương trình (như ở Ấn Độ), các khuyến khích tài chính (như ở Colombia và Malaysia) và những tác động hành vi để cung cấp bảo hiểm xã hội cho người lao động phi chính thức.

Trung tâm Truyền thông và Thông tin Kinh tế (BIZIC) – Đơn vị trực thuộc Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp cùng Công ty KPMG tại Việt Nam

Bản quyền © 2010 bởi Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam – VCCI

© 2024 Công ty TNHH KPMG, Công ty TNHH Thuế và Tư vấn KPMG, Công ty Luật TNHH KPMG, Công ty TNHH Dịch vụ KPMG, đều là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam và là công ty thành viên trong tổ chức toàn cầu của các công ty KPMG độc lập, liên kết với KPMG International Limited, một công ty trách nhiệm hữu hạn theo bảo lãnh được thành lập tại Vương Quốc Anh. Tất cả các quyền được bảo hộ.